

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /BC-UBND

Bình Định, ngày tháng 02 năm 2021

BÁO CÁO

Kết quả thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận huyện Tuy Phước đạt chuẩn nông thôn mới năm 2020.

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020; số 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016 về việc ban hành Tiêu chí huyện nông thôn mới và Quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới; số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020; số 2540/QĐ-TTg ngày 30/12/2016 về việc ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới; địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Thông tư số 35/2016/TT-BNNPTNT ngày 26/12/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn thực hiện tiêu chí huyện đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 69/QĐ-BNN-VPĐP ngày 09/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Sổ tay hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 1906/QĐ-UBND ngày 30/5/2017 của UBND tỉnh về việc ban hành tiêu chí theo Bộ tiêu chí Quốc gia về xã nông thôn mới, giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Theo đề nghị của UBND huyện Tuy Phước tại Tờ trình số 200/TTr-UBND ngày 04/11/2020 về việc đề nghị thẩm tra, xét công nhận huyện Tuy Phước đạt chuẩn nông thôn mới năm 2020;

Trên cơ sở Văn bản thẩm tra kết quả xây dựng nông thôn mới của các Sở, Ngành của tỉnh; báo cáo thẩm tra về kết quả xây dựng nông thôn mới và hồ sơ, thủ tục đề nghị xét, công nhận huyện Tuy Phước đạt chuẩn nông thôn mới năm 2020 của Đoàn Thẩm tra tỉnh; Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định báo cáo, như sau:

I. KẾT QUẢ THẨM TRA

Thời gian thẩm tra (từ ngày 09/11/2020 đến ngày 25/12/2020).

1. Về hồ sơ:

Hồ sơ đề nghị xét, công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới của huyện Tuy Phước đầy đủ theo quy định tại Quyết định số 2540/QĐ-TTg ngày 30/12/2016 về việc ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới; địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020, hồ sơ gồm:

(1) Văn bản số 1089/UBND-NTM ngày 19/11/2019 của UBND huyện Tuy Phước về việc đăng ký “Huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định đạt chuẩn nông thôn mới năm 2020”;

(2) Tờ trình số 200/TTr-UBND ngày 04/11/2020 của UBND huyện Tuy Phước về việc đề nghị thẩm tra, xét công nhận huyện Tuy Phước đạt chuẩn nông thôn mới năm 2020;

(3) Báo cáo số 236/BC-UBND ngày 09/10/2020 của UBND huyện Tuy Phước về kết quả xây dựng nông thôn mới đến năm 2020 của huyện Tuy Phước;

(4) Báo cáo số 255/BC-UBND ngày 29/10/2020 của UBND huyện Tuy Phước về việc tổng hợp ý kiến tham gia về kết quả thực hiện tiêu chí huyện nông thôn mới, kết quả xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

(5) Tổng hợp danh sách các xã đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn huyện Tuy Phước;

(6) Biên bản cuộc họp ngày 29/10/2020 của UBND huyện Tuy Phước về việc đề nghị xét, công nhận huyện Tuy Phước đạt chuẩn nông thôn mới năm 2020;

(7) Báo cáo số 254/BC-UBND ngày 29/10/2020 của UBND huyện Tuy Phước về tình hình huy động các nguồn lực, nợ xây dựng cơ bản và cân đối nguồn lực trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Tuy Phước;

(8) Video clip và ảnh minh họa một số kết quả chủ yếu thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Tuy Phước.

2. Về kết quả công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới

- Tổng số xã trên địa bàn huyện: 11 xã.

- Số xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới là 11 xã, cụ thể như sau: năm 2014: 01 xã; năm 2015: 03 xã; năm 2016: 02 xã; năm 2019: 04 xã; năm 2020: 01 xã.

- Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới: 100%.

3. Về kết quả xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện

3.1. Về công tác chỉ đạo, điều hành

- Ngay từ khi triển khai thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới huyện Tuy Phước đã chỉ đạo tổ chức hội nghị quán triệt Nghị quyết các cấp đến các cấp ủy đảng và chi, đảng bộ; Huyện ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể huyện đã tập trung triển khai đồng bộ các nhiệm vụ và giải pháp thực hiện Chương trình. Huyện ủy đã ban hành Chương trình hành động về xây dựng nông thôn mới; thành lập, kiện toàn Ban chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới của huyện hàng năm; phân công trách nhiệm cụ thể cho từng thành viên theo chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước. UBND huyện xây dựng Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động của Huyện ủy; thành lập Văn phòng điều phối xây dựng nông thôn mới huyện; kiện toàn Tổ công tác, Đoàn thẩm tra, đảm bảo thực hiện Chương trình đồng bộ, hiệu quả; chỉ đạo kiện toàn, củng cố Ban chỉ đạo, Ban Quản lý

xây dựng nông thôn mới cấp xã và Ban phát triển thôn của 11/11 xã. Bên cạnh đó, đã chỉ đạo UBND huyện ban hành các cơ chế chính sách để hỗ trợ các xã xây dựng nông thôn mới; đồng thời triển khai việc phân bổ các nguồn vốn hỗ trợ của Trung ương, của tỉnh cho các xã để xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển sản xuất nâng cao thu nhập cho người dân kịp thời và theo đúng quy định.

- Các Ban xây dựng Đảng, HĐND thường xuyên kiểm tra giám sát các địa phương, các hội, đoàn thể tăng cường công tác tuyên truyền vận động hội viên tích cực tham gia xây dựng nông thôn mới, các mô hình hay, cách làm sáng tạo được phát huy nhân rộng.

- Thường trực Ban chỉ đạo huyện đã kịp thời tham mưu xây dựng các chương trình, kế hoạch thực hiện các văn bản của cấp trên triển khai đến các xã để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ Chương trình đã đề ra. Thường xuyên nắm bắt tình hình thực hiện, tiến độ ở các địa phương qua đó tham mưu cho Ban chỉ đạo huyện đưa ra các giải pháp để kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong triển khai thực hiện Chương trình.

- Tập trung chỉ đạo phát triển sản xuất, coi trọng phát triển các sản phẩm chủ lực, ưu tiên các mô hình sản xuất theo chuỗi, nông nghiệp công nghệ cao, thương hiệu, nhãn mác hàng hóa,... Thu hút và triển khai các dự án đầu tư lớn để chuyển dịch lao động nông thôn, mở rộng thị trường khu vực nông thôn phát triển. Đây được coi là giải pháp đột phá trong xây dựng nông thôn mới; đồng thời, xác định xây dựng nông thôn phải dựa trên các giá trị văn hóa truyền thống của quê hương làm giàu thêm các giá trị văn hóa làng, xã; từ đó tình làng, nghĩa xóm ngày càng keo sơn gắn bó và cũng từ điều này mà chủ thể xây dựng nông thôn mới của người dân được phát huy một cách hiệu quả và bền vững.

- Phong trào thi đua “Chung sức xây dựng nông thôn mới” do Ban Chỉ đạo huyện phát động đã có tác động đến sự quan tâm, hỗ trợ về nguồn lực và động viên tinh thần của toàn xã hội đối với nông dân, nông thôn. Hệ thống thông tin tuyên truyền về nông thôn mới hoạt động phong phú, liên tục đã động viên rất tích cực, kịp thời đến phong trào xây dựng nông thôn mới. Qua đó đã phát huy được nhiều cách làm sáng tạo góp phần huy động được nhiều nguồn lực đóng góp cho xây dựng nông thôn mới. Ban chỉ đạo huyện tổ chức hội nghị tổng kết chương trình theo từng giai đoạn để đánh giá, tôn vinh những cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong xây dựng nông thôn mới.

- Thực hiện Nghị quyết Đảng bộ huyện lần thứ XXI, giai đoạn 2016 - 2020, huyện đã chỉ đạo quyết liệt, với quyết tâm chính trị và sự đồng thuận cao của nhân dân. Nhiều cách làm hay, cách làm sáng tạo được phát huy, các giải pháp được tập trung triển khai đồng bộ nhằm góp phần hoàn thành mục tiêu đạt chuẩn nông thôn mới đã được cán bộ và Nhân dân đồng tình hưởng ứng.

3.2. Về huy động nguồn vốn:

Tổng kinh phí huy động thực hiện Chương trình từ giai đoạn 2011 - 2020 là: 5.252.220 triệu đồng, cụ thể như sau:

- Vốn trực tiếp và vốn lồng ghép từ các dự án để thực hiện chương trình là: 3.492.000 triệu đồng, chiếm 66,49%, trong đó:

- + Nguồn vốn ngân sách Trung ương: 288.316 triệu đồng, chiếm: 8,3%.
- + Nguồn vốn ngân sách tỉnh: 505.426 triệu đồng, chiếm: 14,5%.
- + Nguồn vốn ngân sách huyện: 2.024.190 triệu đồng, chiếm: 58,0%.
- + Nguồn vốn ngân sách xã: 608.840 triệu đồng, chiếm: 17,4%.
- + Nguồn vốn từ Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: 6.191 triệu đồng, chiếm 0,18%.
- + Huy động đóng góp của cộng đồng dân cư: 59.070 triệu đồng, chiếm 1,69%, trong đó: đóng góp bằng tiền 19.800 triệu đồng và đóng góp bằng hiện vật, bao gồm: hiến đất, tường rào để xây dựng, ngày công, cây cối... được quy ra bằng tiền là 39.200 triệu đồng.
- Vốn tín dụng (bao gồm tín dụng ưu đãi và tín dụng thương mại): 1.760.170 triệu đồng, chiếm 33,51%.

3.3. Về kết quả thẩm tra các tiêu chí xã nông thôn mới (theo Quyết định 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1906/QĐ-UBND ngày 30/5/2017 của UBND tỉnh Bình Định)

Toàn huyện có 11 xã, đến nay 11 xã đã đạt chuẩn nông thôn mới một cách thuyết phục, tính bền vững cao; các xã sau khi đạt chuẩn đều tiếp tục nỗ lực phấn đấu nâng cao chất lượng các tiêu chí. Một số kết quả nổi bật tại các xã như sau:

- Quy hoạch xây dựng nông thôn mới cấp xã đảm bảo chất lượng và tổ chức quản lý quy hoạch tốt, không để xảy ra vi phạm về quy hoạch.
- Cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực theo hướng phát huy lợi thế các lĩnh vực, sản phẩm hàng hóa chủ lực của huyện như: trồng trọt, nuôi trồng thủy sản, nhất là nuôi tôm thẻ chân trắng, phát triển các sản phẩm làng nghề truyền thống.
- Kết cấu hạ tầng được xây dựng, nâng cấp đồng bộ, cơ bản đều đạt chuẩn với mức độ cao hơn tối thiểu quy định, nhất là hệ thống đường giao thông nông thôn 100% đường trục xã, liên xã đạt chuẩn, trong đó: có nhiều tuyến đường có mức độ chuẩn cao (chiều rộng nền đường có nhiều tuyến rộng trên 9,0m, mặt đường trên 5,0m), tỷ lệ đường trục thôn, liên thôn được nhựa hóa, bê tông hóa đạt tỷ lệ cao 99,26%, cơ bản các tuyến đường đều có rãnh tiêu thoát nước, hệ thống chiếu sáng; các nhà văn hóa, nhất là nhà văn hóa thôn đều được xây dựng, nâng cấp khang trang, hoạt động hiệu quả...
- Môi trường, nhất là môi trường trong khu dân cư đảm bảo, công tác phân loại rác thải, xử lý rác hữu cơ tại hộ gia đình khá hiệu quả; 94% hộ gia đình có nhà tiêu, nhà tắm hợp vệ sinh; 100% các cơ sở sản xuất, kinh doanh đều có các công trình, biện pháp xử lý chất thải đảm bảo đạt các quy định về bảo vệ môi trường.
- Giữ gìn và bảo tồn, phát huy tốt các loại hình nghệ thuật truyền thống của huyện như: bài chòi, hát múa bá trạo, tuồng, võ thuật cổ truyền Bình Định,...

3.3.1. Tiêu chí số 1 - Quy hoạch

Quy hoạch nông thôn mới cấp xã được lập, phê duyệt đúng quy định, chất lượng tốt thực hiện song hành cùng với Đề án xây dựng nông thôn mới; việc công bố, công khai, niêm yết bản đồ quy hoạch đúng quy định, đối với quy

hoạch xây dựng nông thôn mới cấp xã được phổ biến rộng rãi và đăng bản đồ quy hoạch tại trung tâm xã và nhà văn hóa các thôn, xóm để nhân dân biết và thực hiện, lập kế hoạch và tổ chức cắm mốc thực địa theo quy hoạch được phê duyệt.

Ủy ban nhân dân các xã đã xây dựng quy chế quản lý quy hoạch trình Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt và tổ chức thực hiện, quản lý quy hoạch theo quy chế. Đồng thời, trong quá trình tổ chức thực hiện, các xã đã thường xuyên rà soát và điều chỉnh kịp thời những bất cập trong quy hoạch; việc thực hiện Quy hoạch được tuân thủ, không vi phạm quy hoạch.

Đánh giá: Đến nay, 11/11 xã (đạt 100%) trên địa bàn huyện đạt chuẩn tiêu chí số 1 - Quy hoạch.

3.3.2. Tiêu chí số 2 - Giao thông

Đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện đã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa là 136,19km/136,19 km, đạt tỷ lệ 100%; đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm.

Đường trục thôn, đường liên thôn đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm là 163,09/163,09km đạt tỷ lệ 100% (trong đó, đã được bê tông hóa, cứng hóa là 161,89/163,09 km, đạt tỷ lệ 99,3%).

Đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa là 360,24/360,24 km đạt tỷ lệ 100% (trong đó, đã được bê tông hóa, cứng hóa là 358,80/360,24 km, đạt tỷ lệ 99,6%).

Đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm là 132,28/132,28 km đạt tỷ lệ 100% (trong đó, đã được bê tông hóa, cứng hóa là 113,54/132,28 km đạt tỷ lệ 85,8%).

Các đoạn đường trục xã và trục thôn trong khu dân cư đa số có rãnh tiêu thoát nước hai bên đường; các đoạn rãnh thoát nước thường xuyên được nạo vét, khơi thông đảm bảo khả năng thoát nước.

Đường trục xã có cây bóng mát trồng tự nhiên được chăm sóc và cây trồng cảnh quang theo quy hoạch (đối với những đoạn có thể trồng được), khoảng cách cây tùy loại cây nhưng đảm bảo khả năng giao tán sau khi trưởng thành; có trên 50% tổng số km đường trục xã, liên xã có cây xanh bóng mát, rào và chăm sóc cẩn thận.

Đánh giá: Đến nay, 11/11 xã (đạt 100%) trên địa bàn huyện đạt chuẩn tiêu chí số 2 - Giao thông.

3.3.3. Tiêu chí số 3 - Thủy lợi

Qua 10 năm triển khai thực hiện xây dựng nông thôn mới, trên địa bàn toàn huyện hệ thống kênh mương đã được kiên cố hóa 240,04 km/308,67 km đạt 77,7%, tăng 199,85 km so với năm 2011. Hệ thống các công trình hồ chứa, đập dâng, trạm bơm, kênh mương đã xây dựng thường xuyên được nâng cấp, duy tu, sửa chữa, nạo vét để đảm bảo tưới, tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp và dân sinh. Trong đó, sửa chữa, nâng cấp: 02 trạm bơm (2/9 Phước Thành, Thọ Nghĩa - Phước Nghĩa); 01 hồ chứa (Cây Da xã Phước Thành) và các đập dâng: Lễ Nghĩa - Phước Hiệp, Mỹ Cang - Phước Sơn và hàng ngàn cống nội đồng đảm bảo tưới tiêu phục vụ tốt cho sản xuất và phòng chống thiên tai.

Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu chủ động tại các xã là 7.052ha/7.600ha, đạt 92,7%;

Hệ thống các công trình thủy lợi trên địa bàn các xã hiện nay cơ bản đáp ứng nhu cầu sản xuất và dân sinh. Hàng năm, các xã đã thành lập, kiện toàn Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn do đồng chí Chủ tịch UBND xã làm Trưởng ban, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên; xây dựng, phê duyệt và tổ chức thực hiện có hiệu quả kế hoạch phòng chống thiên tai; xây dựng các phương án ứng phó thiên tai, phương án xử lý các điểm xung yếu, phương án ứng phó với bão, lũ theo phương châm “4 tại chỗ”.

Đánh giá: Đến nay, 11/11 xã (đạt 100%) trên địa bàn huyện đạt chuẩn tiêu chí số 3 - Thủy lợi

3.3.4. Tiêu chí số 4 - Điện

Hệ thống điện trên địa bàn huyện do 03 đơn vị quản lý thực hiện, gồm: Công ty Điện lực Bình Định, HTX Nông nghiệp Phước Hưng và HTX Nông nghiệp Phước Quang. Hệ thống điện nông thôn từng bước được đầu tư nâng cấp, làm mới, các tuyến đường thôn, xóm có điện thấp sáng. Đến nay, các xã trên địa bàn huyện được đầu tư nhiều dự án khác nhau, như: Dự án Năng lượng nông thôn REII, Dự án Cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia và các dự án của ngành điện như Tái Thiết Đức, xây dựng cơ bản, sửa chữa lớn, nhỏ, sửa chữa thường xuyên hệ thống đường dây, trạm biến áp,...

Trên địa bàn huyện có 01 trạm 110 KV, là nguồn cung cấp điện đủ tải để phục vụ cho sản xuất và sinh hoạt của nhân dân; có 373 trạm biến áp phân phối (trong đó: có 235 trạm biến áp ngành điện; 138 trạm biến áp khách hàng), có 546,772 km đường dây hạ thế (trong đó: có 542, 98 km đường dây hạ thế 0,4 KV; 3,792 km đường dây hạ thế 0,2 KV), có 216,238 km đường dây trung thế 22 KV (trong đó: có 197,363 km đường dây trung thế tài sản ngành điện; 18,875 km đường dây trung thế tài sản khách hàng); đảm bảo 100% số xã có hệ thống điện nông thôn đạt chuẩn, đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của ngành. Tỷ lệ số hộ dân được sử dụng điện thường xuyên, an toàn đạt 100%.

Ngoài ra, đã vận động nhân dân tự đóng góp, thực hiện thấp sáng điện đường nông thôn, các tuyến đường thôn, xóm của 11 xã có điện thấp sáng, góp phần làm cho bộ mặt nông thôn khởi sắc.

Đánh giá: Đến nay, 11/11 xã (đạt 100%) trên địa bàn huyện đạt chuẩn tiêu chí số 4 - Điện.

3.3.5. Tiêu chí số 5 - Trường học

Qua 10 năm triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, trên địa bàn huyện Tuy Phước, đã xây mới 96 công trình với 272 phòng học, 44 phòng bộ môn, 15 khu hiệu bộ, 52 nhà ăn bán trú và các phòng chức năng khác, tổng kinh phí thực hiện trên 173.301,6 tỷ đồng. Các phòng học của các trường học được kiên cố hóa (trường mầm non có 120/161 phòng học theo đúng Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 3907:2011-trường Mầm non); 14/14 trường mầm non, mẫu giáo tổ chức ăn bán trú cho học sinh, khu vực bếp ăn bán trú của các trường mầm non đảm bảo, đúng theo tiêu chuẩn bếp ăn một chiều.

Toàn huyện có 53/53 trường được quy hoạch tổng thể và quy hoạch chi tiết, đạt tỷ lệ 100%.

Đến nay, toàn huyện có 50/53 trường đạt chuẩn quốc gia đạt tỷ lệ 94,34%, (trong đó: Mầm non 11/14 trường, tiểu học 26/26 trường, trung học cơ sở 13/13 trường), tăng 20 trường so với năm 2011; trong 50 trường đạt chuẩn quốc gia có 05 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 (tỷ lệ 10%). Các trường còn lại có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia, đạt tỷ lệ 100%.

Đánh giá: Đến nay, 11/11 xã (đạt 100%) trên địa bàn huyện đạt chuẩn tiêu chí số 5 - Trường học.

3.3.6. Tiêu chí số 6 - Cơ sở vật chất văn hóa

Toàn huyện có 11/11 xã có Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã xây dựng, nâng cấp đạt chuẩn theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, phục vụ tốt điều kiện hoạt động văn hóa, thể thao cho nhân dân; trong đó, 10/11 Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã được đầu tư xây dựng mới khang trang, 01 Trung tâm xã được sửa chữa, nâng cấp. Diện tích đất được bố trí bảo đảm theo quy định, hội trường đạt 200 chỗ ngồi; 100% Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã bố trí đầy đủ các phòng chức năng (hành chính, phòng đọc sách - thư viện, đài truyền thanh, câu lạc bộ,...), công trình phụ trợ và cơ sở vật chất, trang thiết bị đảm bảo tổ chức các hoạt động cộng đồng thường xuyên và tổ chức các sự kiện tập trung, hội nghị toàn xã. Một số Trung tâm đủ điều kiện tổ chức các hoạt động, sự kiện có quy mô cấp huyện, tỉnh. 11/11 xã có khu thể thao diện tích trên 2.000m², xây dựng sân bóng đá xã bố trí từ 400m² trở lên.

Có 11/11 xã bố trí khu vui chơi giải trí người già và trẻ em, các điểm vui chơi có trang bị một số thiết bị cần thiết phục vụ nhu cầu vui chơi, giải trí để trẻ em, người cao tuổi hoạt động văn hóa, thể thao. Trung tâm Văn hóa - Thể thao các xã có Ban Chủ nhiệm, Quy chế tổ chức hoạt động; hàng năm đều có kế hoạch hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao, tuyên truyền cổ động, bảo tồn phát huy giá trị di tích, kết nối với Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện hoạt động hiệu quả, đảm bảo dành tối thiểu 30% thời gian hoạt động trong năm dành cho trẻ em.

Có 91/91 thôn có Nhà văn hóa - Khu thể thao đạt chuẩn theo quy định (năm 2011 chỉ có 6/11 xã xây dựng trụ sở thôn kết hợp với các điểm trường Mẫu giáo để hội họp dân cư, các khu thể thao còn đơn giản); trong đó, 90% Nhà văn hóa thôn được xây dựng mới trong Chương trình nông thôn mới, còn lại được sửa chữa, nâng cấp; khuôn viên Nhà văn hóa từ 300m² trở lên, bố trí đạt 100 chỗ ngồi; Khu thể thao thôn đạt trên 500m². Một số địa phương liên kết sân đảm bảo thu hút đông đảo nhân dân đến tham gia sinh hoạt và tổ chức các hoạt động thường xuyên. Các nhà văn hóa thôn đều có công trình phụ trợ, trang thiết bị đầy đủ: 100% có công trình vệ sinh, 50% có sân khấu ngoài trời, 75% nhà văn hóa thôn có tivi. Nhà văn hóa - Khu thể thao tại 91 thôn đã thành lập Ban Chủ nhiệm, xây dựng Quy chế tổ chức và hoạt động đảm bảo theo quy định; thiết chế được đầu tư, nâng cấp, hoàn thiện và đưa vào khai thác sử dụng có hiệu quả. Hoạt động tại các Nhà văn hóa đảm bảo kết nối thường xuyên với Trung tâm

Văn hóa - Thể thao xã, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt, vui chơi, luyện tập thường xuyên của nhân dân.

Đánh giá: Đến nay, 11/11 xã (đạt 100%) trên địa bàn huyện đạt chuẩn tiêu chí số 6 - Cơ sở vật chất văn hóa.

3.3.7. Tiêu chí số 7 - Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn

Toàn huyện có 23 chợ theo quy hoạch được duyệt; trong đó đã được đầu tư xây dựng, nâng cấp đáp ứng nhu cầu trao đổi mua bán 22 chợ; và hiện đang đầu tư xây dựng 01 chợ (chợ Quán Mối - xã Phước Lộc). Mỗi xã đều có 01 chợ trung tâm; đối với các xã diện tích lớn, dân số đông có 02 chợ/xã, đảm bảo tiêu chuẩn thiết kế và các yêu cầu của tiêu chí; đã thành lập Ban quản lý chợ; cán bộ được đào tạo, tập huấn nghiệp vụ quản lý chợ. Chợ có nội quy, phương án bố trí sắp xếp ngành hàng được cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án PCCC. Các hộ kinh doanh trong chợ cam kết đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, đảm bảo vệ sinh môi trường, văn minh thương mại, phòng cháy chữa cháy.

Ngoài ra, trên địa bàn các xã còn có các cửa hàng kinh doanh tổng hợp đạt chuẩn theo quy định, các tổ chức, cá nhân kinh doanh đã chủ động đầu tư các cửa hàng tiện lợi, cửa hàng tạp hóa phù hợp với quy định, hướng dẫn của ngành; hàng hóa được bố trí sắp xếp khoa học, đáp ứng yêu cầu tiêu chí về cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn.

Đánh giá: Đến nay, 11/11 xã (đạt 100%) trên địa bàn huyện đạt chuẩn tiêu chí số 7 - Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn.

3.3.8. Tiêu chí số 8 - Thông tin và Truyền thông

Về chỉ tiêu xã có điểm phục vụ Bưu chính: 11/11 xã có dịch vụ bưu chính, viễn thông, internet đảm bảo cho việc cung ứng và sử dụng các dịch vụ bưu chính, dịch vụ viễn thông.

Về chỉ tiêu có dịch vụ viễn thông, Internet: Trên địa bàn các xã được kết nối truyền dẫn đa dịch vụ, có mạng cáp quang, hạ tầng di động cung ứng các dịch vụ: điện thoại di động, internet ADSL, điện thoại cố định... ngoài ra còn có các cơ sở tiếp phát sóng viễn thông của Viettel, VNPT, Mobifone.....

Xã có Đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn: 11/11 xã có Đài truyền thanh và hệ thống loa được kết nối hoạt động đến các thôn, đảm bảo hoạt động thường xuyên, đảm bảo nhân dân trên địa bàn thường xuyên được cập nhật chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, các tin tức từ Trung ương, tỉnh, huyện đến cơ sở. Có Ban biên tập hoạt động đúng theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành: Hệ số máy tính/số cán bộ, công chức của 11 xã đạt trên 80%; 11/11 xã đã thành lập trang thông tin điện tử; có trang bị máy tính kết nối mạng LAN, mạng internet cho các ban, ngành, đoàn thể, cán bộ, công chức phục vụ công việc, đảm bảo công tác trao đổi, truy cập, nắm bắt thông tin giữa các bộ phận và trên internet. Cán bộ, bộ phận chuyên môn xã đều có tài khoản truy cập hệ thống văn phòng điện tử liên thông để phục vụ công tác tiếp nhận, xử lý văn bản.

Đánh giá: Đến nay, 11/11 xã (đạt 100%) trên địa bàn huyện đạt chuẩn tiêu chí số 8 - Thông tin và truyền thông.

3.3.9. Tiêu chí số 9 - Nhà ở dân cư

Thời gian qua, Ủy ban nhân dân các xã đã vận động nhân dân tập trung nguồn lực để chỉnh trang nhà cửa, sân vườn; đầu tư xây dựng mới, nâng cấp nhà ở đã xuống cấp, đảm bảo diện tích bình quân đạt từ 14m²/người trở lên, nhà đạt tiêu chuẩn 3 cứng đó là nền cứng, khung cứng, mái cứng; có nhà bếp và nhà vệ sinh được bố trí phù hợp. Ngoài ra, thực hiện Quyết định số 22/2013/QĐ-TTG ngày 26/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ về hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở, Quyết định số 48/2014/QĐ-TTg ngày 28/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ hộ nghèo xây dựng nhà ở phòng, tránh lụt bão khu vực miền Trung; Quyết định số 1447/QĐ-UBND ngày 25/4/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định về việc phân bổ kinh phí hỗ trợ xây nhà ở cho những gia đình thuộc diện chính sách có nhà ở bị dột nát, hư hỏng bị ảnh hưởng trong đợt mưa lũ từ năm 2016. Từ năm 2016 đến nay, trên địa bàn huyện đã hỗ trợ gần 2.000 gia đình có công cách mạng, hơn 200 nhà ở cho hộ nghèo xây dựng, sửa chữa nhà ở, góp phần xóa nhà tạm, nhà dột nát.

- Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt chuẩn của Bộ xây dựng trên địa bàn toàn huyện có 43.647/44.120 nhà ở đạt tiêu chí Bộ xây dựng, đạt tỷ lệ 98,93% (xã đạt thấp nhất 92,5%, xã đạt cao nhất 100%).

Đánh giá: Đến nay, 11/11 xã (đạt 100%) trên địa bàn huyện đạt chuẩn tiêu chí số 9 - Nhà ở dân cư.

3.3.10. Tiêu chí số 10 - Thu nhập

Huyện luôn xác định phát triển kinh tế với trọng tâm là phát triển sản xuất là yếu tố cốt lõi trong xây dựng nông thôn mới góp phần nâng cao thu nhập, giảm nghèo bền vững cho người dân.

Về phát triển sản xuất nông nghiệp: Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành Quyết định số 3267/QĐ-UBND ngày 19/8/2016 về việc phê duyệt đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp huyện theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững giai đoạn 2016-2020. Với mục tiêu chung nâng cao giá trị gia tăng và phát triển nông nghiệp bền vững dựa trên đổi mới hình thức tổ chức sản xuất; đẩy mạnh liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm gắn với áp dụng khoa học - công nghệ; chuyên môn hóa sản xuất, tạo việc làm ổn định, phân công lại lao động; góp phần nâng cao thu nhập và đời sống của dân cư ở nông thôn, bảo vệ môi trường sinh thái và xây dựng nông thôn mới. Trong đó, định hướng phát triển các ngành và sản phẩm chủ lực:

Trên lĩnh vực thủy sản: Về thủy sản, có bước phát triển khá, ước sản lượng nuôi trồng và khai thác thủy sản đến năm 2020 là 6.190 tấn, tăng 0,92% so với năm 2015. Tập trung chỉ đạo phát triển nuôi trồng thủy sản theo hướng bền vững, ổn định diện tích nuôi bán thâm canh, đa dạng các phương thức nuôi gắn với bảo vệ môi trường trên diện tích nuôi quảng canh cải tiến, thả giống đúng lịch thời vụ, đúng quy trình phòng chống dịch bệnh thủy sản. Xây dựng và thực hiện thành công 3 mô hình nuôi thủy sản theo hướng an toàn sinh học, đạt hiệu quả kinh tế: Mô hình nuôi tôm sú kết hợp với cá chua quy mô 19,5 ha/15 hộ ở Phước Sơn; nuôi tôm thẻ chân trắng kết hợp cá rô phi quy mô 23,5 ha/40

hộ ở Phước Thắng; nuôi cua xanh thương phẩm quy mô 0,5 ha/01 hộ ở xã Phước Thuận, sản lượng đạt 1.000 kg, lợi nhuận 30 triệu đồng/5 tháng nuôi.

Trên lĩnh vực trồng trọt: Chuyển đổi 100% diện tích từ sản xuất 3 vụ lúa/năm sang 2 vụ lúa/năm, sử dụng giống lúa xác nhận, nguyên chủng đạt trên 100%. Đồng thời, hàng năm đưa các giống lúa mới có năng suất cao, chất lượng tốt vào sản xuất, ứng dụng các quy trình sản xuất tiên tiến SRI, ICM, chương trình 3 giảm-3 tăng đã mang lại hiệu quả đột phá bước đầu, năng suất lúa và các loại cây trồng tăng, ổn định về năng suất, chất lượng. Đến nay, 100% diện tích đất sản xuất nông nghiệp được cơ giới hóa từ khâu làm đất, thu hoạch, bảo quản, chế biến góp phần tiết kiệm chi phí, giải phóng sức lao động, đảm bảo thời vụ, phòng tránh thiên tai, là tiền đề quan trọng để xây dựng nền nông nghiệp hiện đại. Công tác chuyển đổi cơ cấu mùa vụ, cây trồng được chú trọng, chuyển đổi cây trồng cạn trên đất lúa thiếu nước; sử dụng các loại giống mới có năng suất, chất lượng cao; năng suất bình quân hàng năm đạt trên 70 tạ/ha, sản lượng đạt trên 105.000 tấn. Có HTX sản xuất rau an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP, gắn với ứng dụng công nghệ cao được đầu tư thâm canh sản xuất, cung ứng sản phẩm rau an toàn cho thị trường trong và ngoài tỉnh, giải quyết việc làm cho người dân và bảo vệ môi trường. Được UBND tỉnh phê duyệt 4 Dự án cánh đồng lớn cho cây lúa, 03 cánh đồng liên kết sản xuất lúa giống với tổng diện tích 720 ha, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật tiên tiến “3 giảm, 3 tăng”, “1 phải 5 giảm”, gắn với sản xuất theo chuỗi giá trị bước đầu mang lại hiệu quả kinh tế, thu nhập tăng thêm trên 12 triệu đồng/ha góp phần ổn định sản xuất bền vững. Xây dựng và triển khai Đề án làng nghề trồng hoa Bình Lâm gắn phát triển du lịch và xây dựng nông thôn mới; ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ vào sản xuất trên cơ sở tổ chức sản xuất và quản lý theo chuỗi giá trị để nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của sản phẩm, tăng thu nhập cho người trồng hoa kiểng.

Trên lĩnh vực chăn nuôi: Công tác chỉ đạo phát triển chăn nuôi, phòng chống dịch bệnh gia súc, gia cầm, không để tái phát, lây lan dịch bệnh được quan tâm; chăn nuôi tiếp tục phát triển có bước chuyển mạnh mẽ; đã từng bước chuyển từ hình thức chăn nuôi nhỏ lẻ sang chăn nuôi gia trại gắn với thực hiện nghiêm ngặt các biện pháp phòng chống dịch bệnh; đẩy mạnh chương trình lai cải tạo đàn bò, nạc hóa đàn heo, triển khai Đề án chăn nuôi bò thịt chất lượng cao trong nông hộ... theo hướng nâng cao chất lượng sản phẩm, hiệu quả, an toàn gắn với bảo vệ môi trường, mô hình hình chăn nuôi bò thịt chất lượng cao được ứng dụng rộng rãi; ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất và cung ứng giống gia cầm để cung ứng cho thị trường con giống tốt, an toàn dịch bệnh. Năm 2020, đàn bò 16.100 con (KH 16.000), bò lai trên 80% tổng đàn (KH 78%); đàn trâu 1.300 con; đàn lợn 30.000 con (KH 55.000); đàn gia cầm 1,75 triệu con (KH 1,7 triệu con); sản lượng thịt hơi xuất chuồng 9.700 tấn (KH 13.000 tấn).

Trên lĩnh vực lâm nghiệp: Tổng diện tích đất lâm nghiệp của huyện là 2.863 ha; trong đó diện tích đất có rừng là 1.966.98 ha; sản lượng gỗ khai thác hàng năm đạt trên 33.200 tấn. Thường xuyên tuyên truyền, phổ biến giáo dục về Luật bảo vệ và phát triển rừng; tăng cường công tác quản lý, bảo vệ, phòng cháy, chữa cháy rừng và xử lý các hành vi vi phạm. Trên địa bàn huyện có 13 cơ

sở sản xuất, kinh doanh giống cây lâm nghiệp, cung cấp trên 20 triệu hom giống keo lai và giống cây lâm nghiệp nuôi cấy mô đạt 100% để phục vụ cho công tác trồng rừng trong huyện và xuất bán các huyện, tỉnh lân cận; bình quân mỗi năm trồng mới trên 300 ha rừng. Giá trị sản xuất năm 2019 đạt 36,357 tỷ đồng. Tỷ lệ độ che phủ rừng đạt 14,4%.

Về lĩnh vực sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề, dịch vụ:

+ Sản xuất Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp - Làng nghề: Theo phê duyệt bổ sung quy hoạch phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Định đến năm 2020, định hướng đến năm 2025 tại Quyết định số 1307/QĐ-UBND ngày 15/4/2015 của UBND tỉnh Bình Định, huyện Tuy Phước được quy hoạch 01 cụm công nghiệp với diện tích 49,5 ha. Trong những năm qua, huyện đã tập trung xây dựng, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Đến nay, đã thành lập và quy hoạch chi tiết 01/01 cụm công nghiệp diện tích 49,5 ha. Có 19 doanh nghiệp đang đầu tư, sản xuất kinh doanh tại 01 cụm công nghiệp, gồm những ngành nghề chính: Chế biến gỗ, sản xuất nhựa, chế biến đá granite, may mặc xuất khẩu, kho phân phối hàng hóa nông sản,... tạo việc làm trên 1.530 lao động, lương bình quân 4,3 triệu đồng/người/tháng. Tổng diện tích đã cho thuê 39,8 ha/49,5 ha đất công nghiệp, tỷ lệ lấp đầy cụm công nghiệp là 100 %. Đồng thời Cụm Công nghiệp Bình An, xã Phước Thành đã được UBND tỉnh phê duyệt bổ sung tại Quyết định số 3714/QĐ-UBND ngày 8/9/2020 về định hướng phát triển Cụm công nghiệp đến năm 2025 và định hướng đến năm 2035 với diện tích 38,24ha. Hiện nay, trên địa bàn huyện có 2.188 doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh (có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) đang hoạt động và 02 làng nghề (Làng nghề Bánh tráng Kim Tây và Làng nghề Trồng hoa Bình Lâm); giải quyết việc làm cho gần trên 200 lao động. Giá trị sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và làng nghề năm 2020 ước đạt 2.608,658 tỷ đồng (theo giá so sánh 2010).

+ Thương mại - dịch vụ: Phát triển, hình thành nhiều kênh phân phối, hàng hóa đa dạng đáp ứng tốt nhu cầu tiêu dùng; hoạt động kinh doanh thương mại - dịch vụ tăng trưởng khá, doanh thu năm 2020 ước thực hiện 1.950,264 tỷ đồng. Các dịch vụ bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin, tín dụng, ngân hàng, vận tải, bảo hiểm phát triển mạnh. Các doanh nghiệp mạnh dạn đầu tư, mở rộng ngành nghề và các mặt hàng kinh doanh. Công tác xúc tiến thương mại được các cấp chính quyền và các doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh quan tâm. Các sản phẩm đặc trưng của huyện được xây dựng nhãn hiệu tập thể. Có 05 sản phẩm được công nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh.

Thu nhập bình quân đầu người chung toàn huyện năm 2020 đạt 47,2 triệu đồng/người/năm; trong đó, khu vực thành thị 54,5 triệu đồng/người/năm, khu vực nông thôn đạt 45,8 triệu đồng/người/năm.

TT	Đơn vị	Thu nhập bình quân (triệu đồng/người/năm)
1	Xã Phước Thắng	42,00

TT	Đơn vị	Thu nhập bình quân (triệu đồng/người/năm)
2	Xã Phước Hưng	49,50
3	Xã Phước Quang	45,10
4	Xã Phước Hòa	45,00
5	Xã Phước Sơn	44,93
6	Xã Phước Hiệp	42,00
7	Xã Phước Lộc	50,00
8	Xã Phước Nghĩa	45,00
9	Xã Phước Thuận	42,00
10	Xã Phước An	50,00
11	Xã Phước Thành	46,50
Toàn huyện		45,80

Đánh giá: Đến nay, 11/11 xã (đạt 100%) trên địa bàn huyện đạt chuẩn tiêu chí số 10 - Thu nhập

3.3.11. Tiêu chí số 11 - Hộ nghèo

Thực hiện chính sách hỗ trợ giảm nghèo như hỗ trợ dạy nghề gắn với việc làm, chính sách về y tế, hỗ trợ về giáo dục và đào tạo, hỗ trợ nhà ở, hỗ trợ phát triển sản xuất, phát triển ngành nghề, hoạt động trợ giúp pháp lý cho người nghèo, thực hiện hiệu quả Dự án tín dụng ưu đãi đã tạo điều kiện về vốn cho hộ nghèo phát triển sản xuất, kinh doanh tạo thu nhập, vươn lên thoát nghèo bền vững, ổn định cuộc sống, góp phần giảm hộ nghèo chung của toàn huyện. Toàn huyện có 1.212 hộ nghèo/46.169 hộ, trong đó số hộ nghèo thuộc chính sách bảo trợ xã hội là 325 hộ; Tỷ lệ hộ nghèo đến cuối năm 2020 là 1,92% (887 hộ/46.169 hộ), giảm 7,92% so năm 2011.

Đánh giá: Đến nay, 11/11 xã (đạt 100%) trên địa bàn huyện đạt chuẩn tiêu chí số 11 - Hộ nghèo

3.3.12. Tiêu chí số 12 - Lao động có việc làm

Hàng năm, các địa phương, đơn vị đã tổ chức điều tra, khảo sát nhu cầu học nghề của người lao động tại các địa phương, trên cơ sở đó tổ chức đăng ký học nghề cho lao động nông thôn. Số lượng lao động được đào tạo nghề hàng năm khoảng 850 người. Các ngành nghề đào tạo được lựa chọn với mục tiêu dạy nghề gắn với giải quyết việc làm cho người lao động, định hướng các nhóm ngành nghề phù hợp với từng địa phương, khu vực. Đến nay, tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động của 11 xã đạt 99,11% (85.982/86.755 người), tăng 1,43% so với năm 2011.

Đánh giá: Đến nay, 11/11 xã (đạt 100%) trên địa bàn huyện đạt chuẩn tiêu chí số 12 - Lao động có việc làm

3.3.13. Tiêu chí số 13 - Tổ chức sản xuất

Toàn huyện có 14 HTX nông nghiệp, mỗi xã đều có 01 HTX nông nghiệp hoạt động đúng Luật HTX năm 2012; Trong tổng số 14 HTX nông nghiệp, có 03 HTX hoạt động tốt (chiếm 21,4%); 05 HTX hoạt động khá (chiếm 35,7%); 06 HTX hoạt động trung bình (chiếm 42,9%).

Các HTX NN ngoài làm các dịch vụ nông nghiệp như: Thủy lợi, vật tư nông nghiệp, liên kết sản xuất lúa giống, làm đất, cuốn rơm, còn vươn ra hoạt động sản xuất, kinh doanh các ngành nghề khác như: Dịch vụ xăng dầu, điện, tín dụng nội bộ... góp phần tăng doanh thu cho các thành viên HTX.

Huyện tiếp tục duy trì, phát triển các làng nghề truyền thống như làng hoa Bình Lâm, làng bánh tráng Kim Tây, Phước Hòa. Ngoài ra, cùng với Chương trình mỗi xã một sản phẩm cũng đã thúc đẩy sự phát triển nghề trong các nhóm hộ gia đình trên địa bàn.

Đánh giá: Đến nay, 11/11 xã (đạt 100%) trên địa bàn huyện đạt chuẩn tiêu chí số 13 - Tổ chức sản xuất.

3.3.14. Tiêu chí số 14 - Giáo dục và đào tạo

Huyện đã tập trung thực hiện tốt công tác phổ cập giáo dục - xóa mù chữ; có nhiều giải pháp tích cực để duy trì tỷ lệ huy động, nâng cao chất lượng giáo dục, tăng cường cơ sở vật chất do đó kết quả phổ cập giáo dục, xóa mù chữ đạt được khá tốt; năm 2015 đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; năm 2018 đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3; năm 2018 đạt phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 2, xóa mù chữ mức độ 2. Đến nay, duy trì bền vững phổ cập giáo dục Mầm non cho trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3, phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 2; xóa mù chữ mức độ 2. Hiện nay, học sinh toàn ngành 32.780 học sinh. Trong đó, mầm non, mẫu giáo 6.928 trẻ, tiểu học 14.622 học sinh, trung học cơ sở 11.230 học sinh. Công tác giáo dục hướng nghiệp, phân luồng học sinh sau tốt nghiệp trung học cơ sở đạt kết quả tốt, hàng năm có từ 8% đến 10% học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở vào học các trường nghề.

Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, trung cấp nghề) của các xã đạt 90 %.

Hoạt động khuyến học, khuyến tài trên địa bàn huyện khá tốt, 100 % xã có quỹ khuyến học, khuyến tài.

Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo của toàn huyện là 49.781/102.279 người; đạt 48,67%.

Đánh giá: Đến nay, 11/11 xã (đạt 100%) trên địa bàn huyện đạt chuẩn tiêu chí số 14 - Giáo dục và Đào tạo.

3.3.15. Tiêu chí số 15 - Y tế

Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế: Tổng số người dân tham gia bảo hiểm y tế trên địa bàn huyện, tính đến tháng 10 năm 2020 là 167.862/180.300 người, đạt 93,1% (tăng 39,67% so với năm 2011).

Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế: Từ năm 2012 đến nay các xã, thị trấn đã tổ chức triển khai Bộ tiêu chí Quốc gia về Y tế xã giai đoạn đến năm 2020. Kết quả đến nay 11/11 xã đạt và duy trì Bộ tiêu chí quốc gia về y tế đã được UBND tỉnh Bình Định công nhận đơn vị thực hiện đạt Tiêu chí Quốc gia về y tế xã năm

2019 tại Quyết định số 4420/QĐ-UBND ngày 2019. Cụ thể: Năm 2012 có 01 xã đạt: Phước Lộc; năm 2013 có 03 xã đạt gồm: Phước An, Phước Sơn, Phước Hòa; năm 2014 có 04 xã đạt: Phước Thành, Phước Nghĩa, Phước Thuận, Phước Hưng; năm 2015 có 03 xã đạt gồm: Phước Hiệp, Phước Thắng, Phước Quang.

Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi toàn huyện tính tháng 10 năm 2020 là 2.016/11.519 trẻ, đạt tỷ lệ 17,5% (giảm 11,71 % so với năm 2011). Chương trình chăm sóc sức khỏe bà mẹ trẻ em và Dân số kế hoạch hóa gia đình luôn được quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo đạt một số kết quả tích cực; tỷ lệ tăng dân số tự nhiên hàng năm đều đạt dưới 1%.

Đánh giá: Đến nay, 11/11 xã (đạt 100%) trên địa bàn huyện đạt chuẩn tiêu chí số 15 - Y tế.

3.3.16. Tiêu chí số 16 - Văn hóa

Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” được quan tâm đẩy mạnh gắn với phong trào xây dựng nông thôn mới, là nền tảng “sức mạnh mềm” trong xây dựng nông thôn mới. Tuy nhiên, qua bước đầu triển khai, thực hiện Phong trào cũng đã gặp những khó khăn nhất định như công tác lãnh, chỉ đạo, tổ chức thực hiện của một số ít cấp ủy, chính quyền, Mặt trận và các hội đoàn thể ở địa phương chưa được tập trung quan tâm đúng mức, một bộ phận gia đình chưa chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, thiếu sự quan tâm đến xây dựng Gia đình văn hóa. Trong những năm qua tiếp tục được sự quan tâm, hướng dẫn của Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh, sự lãnh, chỉ đạo sâu sát của Huyện ủy, UBND huyện, trong quá trình triển khai thực hiện đã từng bước khắc phục những tồn tại, hạn chế, Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” trên địa bàn huyện đã tiếp tục huy động sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, sự hưởng ứng nhiệt tình của các tầng lớp Nhân dân, ý thức của các tầng lớp Nhân dân về xây dựng đời sống văn hóa được nâng cao rõ rệt theo những tiêu chí hướng tới nâng cao chất lượng sống cho người dân cả về vật chất lẫn tinh thần bền vững, lâu dài, từ đó xây dựng thôn văn hóa, gia đình văn hóa trở thành phong trào thi đua rộng khắp. Đến cuối năm 2020, toàn huyện có 42.494/44.873 hộ đạt gia đình văn hóa, tỷ lệ 94,7%.

Về thôn văn hóa có 91/91 thôn đạt danh hiệu thôn văn hóa, tỷ lệ 100% tăng 58,25% so với năm 2011 (41,75%). Về cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa, toàn huyện có 122/122 cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa, tỷ lệ 100%, tăng 4,45% so với năm 2011 (95,55%). Có 11/11 xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới, đạt 100%.

Thực hiện tốt cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”. Thực hiện Quyết định số 22/2018/QĐ-TTg ngày 08/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ, đã tiến hành công nhận quy ước, hương ước 91 thôn nhằm tăng cường hiệu lực, hiệu quả vận động, tuyên truyền góp phần hỗ trợ tích cực cho việc quản lý nhà nước trên địa bàn. Công tác bảo tồn, tôn tạo di tích lịch sử - văn hóa, giữ gìn các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp, đậm đà bản sắc dân tộc, ngoài các di tích quốc gia được nhà nước trùng tu, các di tích khác trên địa bàn huyện luôn được các cấp ngành của tỉnh, huyện, các xã, các nhà hảo tâm quan tâm đầu tư kinh phí thực hiện tôn tạo, bảo vệ kịp thời.

Hàng năm thường xuyên tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục - thể thao từ huyện đến cơ sở, tạo điều kiện cho nhân dân tiếp cận hưởng thụ, sáng tạo văn hóa.

Thông qua các nội dung hoạt động văn hóa, môi trường văn hóa từ gia đình, dòng họ, cộng đồng làng xã, thiết chế đô thị, tại cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp được củng cố, phát triển theo hướng lành mạnh, tiến bộ; các giá trị truyền thống tốt đẹp của địa phương, dân tộc được phát huy; đẩy lùi hủ tục lạc hậu, đấu tranh bài trừ cái ác, cái xấu, thúc đẩy các phong trào thi đua yêu nước trên toàn huyện.

Đến nay, huyện Tuy Phước đã có 11/11 xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới.

Đánh giá: Đến nay, 11/11 xã (đạt 100%) trên địa bàn huyện đạt chuẩn tiêu chí số 16 - Văn hóa.

3.3.17. Tiêu chí số 17 - Môi trường và an toàn thực phẩm

Trên địa bàn huyện đã xây dựng 2 công trình cấp nước tập trung tại xã Phước Thuận với công suất 1900m³ ngày đêm, xã Phước Quang với công suất 2900m³ ngày đêm do Ban quản lý Nước sạch và Vệ sinh môi trường huyện quản lý, vận hành. Ngoài ra, trên địa bàn huyện có Công ty cổ phần cấp thoát nước Bình Định cũng đặt nhà máy cung cấp nước tại Thị trấn Tuy Phước để cung cấp cho các hộ dân thuộc địa bàn 02 Thị trấn Tuy Phước, Thị trấn Diêu Trì, Phước An và một phần xã Phước Thành; Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn Bình Định đặt nhà máy nước tại Phước Hiệp và hợp đồng với Ban Quản lý Nước sạch và Vệ sinh môi trường huyện để cung cấp cho các hộ dân thuộc địa bàn xã Phước Hiệp và các xã khu Đông của huyện. Đồng thời, UBND huyện đã đầu tư xây dựng hệ thống thu gom và nhà máy xử lý nước thải tập trung tại cụm công nghiệp Phước An. Kết quả, tỷ lệ hộ sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch theo quy định về kỹ thuật theo QCVN 01:2011/BYT trên địa bàn toàn huyện là 45.492/45.942 hộ, đạt 100% (trong đó tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch đạt chuẩn Quốc gia 34.040/45.942 hộ, đạt 74,1%).

Tổng số cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn 11 xã của huyện Tuy Phước là 366 cơ sở. Toàn bộ các cơ sở nêu trên đều có hồ sơ môi trường và thực hiện xử lý chất thải, giảm thiểu ô nhiễm đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường (đạt 100%). Các cơ sở nuôi trồng thủy sản trên diện tích 971,2 ha đều đảm bảo môi trường, triển khai hoạt động trong vùng quy hoạch. 2 làng nghề (làng nghề bánh tráng Kim Tây và làng nghề trồng hoa Bình Lâm) có Phương án Bảo vệ môi trường hoặc Đề án bảo vệ môi trường; các cơ sở hoạt động trong làng nghề đều đảm bảo về môi trường. CCN Phước An đã có Báo cáo Đánh giá tác động môi trường được phê duyệt; có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt quy chuẩn xả thải; các cơ sở hoạt động trong CCN Phước An đều xử lý chất thải đảm bảo theo quy định.

Toàn huyện (11 xã) có tổng số 166 tổ tự quản các tuyến đường tự quản, đảm bảo xanh, sạch, đẹp. Duy trì và nâng cao chất lượng các Tổ tự quản về môi trường tại các xã đảm bảo được liên tục và thường xuyên; tập trung triển khai các dự án lồng ghép Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới

trong việc thu gom và xử lý rác đảm bảo vệ sinh môi trường tạo cảnh quan sạch đẹp tại khu vực nông thôn. Đồng thời, vận động người dân nâng cao ý thức vệ sinh môi trường, chỉnh trang từ nhà ra ngõ, khơi thông và nạo vét các kênh mương, ao hồ tạo vẻ thông thoáng, phát quang cây cỏ, bụi rậm trên các tuyến đường làng ngõ xóm, phát động phong trào trồng hoa và trồng cây xanh trên các tuyến đường. Tất cả các chợ nông thôn trên địa bàn đều lập thủ tục hồ sơ môi trường đã được cấp thẩm quyền phê duyệt và xây dựng hệ thống xử lý thu gom, xử lý nước thải, xử lý chất thải đảm bảo theo quy định.

Trên địa bàn huyện xây dựng 52 nghĩa trang. Các nghĩa trang đã được quy hoạch, tổ chức quản lý xây dựng, ban hành quy chế, hương ước quản lý nghĩa trang và thực hiện theo quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới được duyệt.

Chất thải rắn sinh hoạt: Đã tổ chức thu gom rác thải tại tất cả các xã. Rác thải tại các tuyến đường chính được thu gom bởi 2 đơn vị chức năng là Ban quản lý Nước sạch và vệ sinh môi trường huyện và Công ty TNHH Xây dựng và Phát triển đô thị Thiên Hương. Đối với rác thải tại các khu vực xa tuyến đường chính được triển khai thu gom bởi các tổ thu gom rác do UBND xã thành lập. Rác thải được thu gom với tần suất 2 lần/tuần. Rác thải được 2 đơn vị chức năng trên vận chuyển đến Bãi chôn lấp hợp vệ sinh Long Mỹ tại xã Phước Mỹ, thành phố Quy Nhơn.

Chất thải rắn nông nghiệp: phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng. Bao bì thuốc bảo vệ thực vật được thu gom trong các bể chứa trên đồng ruộng và tập trung trong các kho lưu chứa. Các xã đã xây dựng được 1559 bể chứa bao bì thuốc bảo vệ thực vật. 11/11 xã đã xây dựng kho lưu chứa tập trung. Các xã đã ký hợp đồng và chuyển giao bao bì thuốc bảo vệ thực vật cho đơn vị chức năng (Công ty TNHH TM & MT Hậu Sanh).

Chất thải y tế: Các trạm y tế đều thực hiện quy định về quản lý chất thải y tế. Chất thải y tế lây nhiễm được đưa đến Trung tâm Y tế huyện để thu gom tập trung và chuyển giao cho đơn vị chức năng để xử lý.

Thu gom, xử lý nước thải: Các điểm dân cư tập trung đều có hệ thống tiêu thoát nước mưa và nước thải. Các cơ sở sản xuất kinh doanh đều có công trình xử lý nước thải đảm bảo trước khi thải ra môi trường.

Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch theo quy định về kỹ thuật theo QCVN 01:2011/BYT là 42.557/45.774 hộ gia đình, đạt 92,97%. Đồng thời, các hộ gia đình thực hiện 3 sạch: Sạch nhà, sạch bếp, sạch ngõ theo nội dung cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch” do Hội liên hiệp Phụ nữ địa phương phát động.

Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường trên địa bàn 11 xã có 5.483/5.483 hộ chăn nuôi hợp vệ sinh, chất thải chăn nuôi được thu gom xử lý chủ yếu bằng công trình biogas, đệm lót sinh học và bể tự hoạt, đạt 100%.

Toàn huyện có 520 cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm; các cơ sở đều tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm chiếm 100%. Trong đó số cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm cấp tỉnh quản lý là 28 cơ sở, cấp huyện quản lý là 44 cơ sở, cấp xã quản lý là 448 cơ sở. Các cơ sở sản xuất,

chế biến, kinh doanh thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống, bếp ăn tập thể, thức ăn đường phố được cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm, hoặc ký cam kết đảm bảo an toàn thực phẩm với UBND cấp xã, huyện và cơ quan quản lý an toàn thực phẩm cấp tỉnh theo quy định. Nhiều năm liên tiếp trên địa bàn huyện không xảy ra các vụ ngộ độc thực phẩm tập thể.

Đánh giá: Đến nay, 11/11 xã (đạt 100%) trên địa bàn huyện đạt chuẩn tiêu chí số 17 - Môi trường và an toàn thực phẩm.

3.3.18. Tiêu chí số 18 - Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật

Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn: Tổng số cán bộ, công chức của 11 xã là 218 người đạt chuẩn theo quy định tại Nghị định số 114/2003/NĐ-CP ngày 10/10/2003 của Chính phủ, Quyết định số 04/2004/QĐ-BNV ngày 16/01/2004 của Bộ Nội vụ; Nghị định số 112/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ về công chức xã, phường, thị trấn, Thông tư số 06/2012/TT-BNV ngày 30/10/2012 của Bộ Nội vụ. Trong đó: Trình độ chuyên môn: thạc sĩ 02 người, đại học 173 người, cao đẳng 02 người, trung cấp 36 người và còn lại 05 người là Chủ tịch Hội Cựu chiến binh đã qua đào tạo bồi dưỡng; trình độ lý luận chính trị: cao cấp 01 người, trung cấp 193 người, sơ cấp 24 người.

Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định: 11/11 xã có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định bao gồm: Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh.

Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn “trong sạch, vững mạnh”: Từ năm 2018 trở về trước, hàng năm Đảng bộ được đánh giá, xếp loại “Trong sạch, vững mạnh”. Trong năm 2019, Đảng bộ 11 xã được đánh giá xếp loại như sau: Có 3 Đảng bộ xã được xếp loại “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” (xã Phước Hưng, Phước Lộc, Phước Thắng) và 08 Đảng bộ xã được xếp loại “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” (Phước An, Phước Thành, Phước Hiệp, Phước Nghĩa, Phước Quang, Phước Hòa, Phước Sơn, Phước Thuận). Kết quả đánh giá phân loại chính quyền: 04 xã được xếp loại “Xuất sắc” (Phước Quang, Phước Hiệp, Phước Thuận, Phước Thắng), 07 xã được xếp loại “Tốt” (Phước An, Phước Thành, Phước Nghĩa, Phước Hòa, Phước Sơn, Phước Hưng, Phước Lộc).

Tổ chức chính trị - xã hội của xã đạt loại khá trở lên: 11/11 xã có tổ chức chính trị - xã hội: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh được tổ chức đoàn thể chính trị cấp huyện đánh giá, xếp loại “Khá” trở lên.

Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật được triển khai theo Quyết định số 619/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ bắt đầu thực hiện từ năm 2017. Theo đó, đã quan tâm xây dựng kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện, đánh giá và công nhận các xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật từng năm. Kết quả: Năm 2017 có 10/11 xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật (trừ xã Phước Sơn); từ năm 2018 đến 2020 có 11/11 xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

Công tác bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình tại các xã trên địa bàn huyện Tuy Phước được quan tâm thực hiện, có 11/11 xã có tỷ lệ nữ tham

gia ủy viên cấp ủy đạt trên 15%, trong đó có 6/11 xã có nữ giữ chức vụ chủ chốt; 11/11 xã có phụ nữ thuộc hộ nghèo, phụ nữ khuyết tật được tạo điều kiện vay vốn ưu đãi từ các chương trình; không phát hiện các trường hợp tảo hôn, cưỡng ép kết hôn, bạo lực gia đình.

Đánh giá: Đến nay, 11/11 xã (đạt 100%) trên địa bàn huyện đạt chuẩn tiêu chí số 18 - Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật.

3.3.19. Tiêu chí số 19 - Quốc phòng và An ninh

Công tác Quốc phòng: Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã 11/11 xã được tổ chức biên chế theo đúng quy định (Chỉ huy trưởng là thành viên UBND xã, Phó Chỉ huy trưởng quân sự, Chính trị viên, Chính trị viên phó là cán bộ kiêm nhiệm). Có 23/23 đồng chí Chỉ huy trưởng, Phó Chỉ huy trưởng quân sự đã qua đào tạo trung cấp chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học ngành quân sự cơ sở; hàng năm được tập huấn, bồi dưỡng về chính trị, quân sự và chuyên môn nghiệp vụ theo quy định. 13/13 xã, thị trấn đã có phòng làm việc riêng và được trang bị đầy đủ các thiết bị theo quy định; cán bộ Ban Chỉ huy Quân sự được hưởng phụ cấp thâm niên, phụ cấp quản lý đơn vị; Chỉ huy trưởng là thành viên UBND xã, Phó Chỉ huy trưởng quân sự Chỉ huy Quân sự xã được hưởng chế độ, chính sách và các chế độ đãi ngộ khác theo quy định của pháp luật. Tỷ lệ đảng viên trong dân quân tự vệ 27,21%. Công tác quản lý, sắp xếp quân nhân dự bị vào các đơn vị dự bị động viên khá chặt chẽ, đạt 96,03%; tỉ lệ đảng viên trong quân nhân dự bị đạt 8,08%; đội ngũ cán bộ thôn đội trưởng có 85/101 đồng chí là đảng viên, số còn lại đang kiện toàn, hoàn thiện hồ sơ kết nạp đảng. Hàng năm Ban CHQS các xã tham mưu cho UBND xã kết nạp Dân quân mới và trao quyết định cho dân quân đã hoàn thành nhiệm vụ... Xây dựng lực lượng Dân quân theo đúng các văn bản hướng dẫn của cấp trên, mỗi xã xây dựng 01 Trung đội dân quân cơ động; 01 tổ thông tin, 01 tổ trinh sát, 01 tổ công binh, 01 tổ phòng hóa, 01 tổ y tế. Cấp thôn xây dựng từ 01 tổ đến 01 tiểu đội Dân quân tại chỗ. Các đối tượng dân quân tự vệ được giáo dục chính trị, huấn luyện quân sự theo nội dung, thời gian, chương trình quy định tại Thông tư số 02/2016/TT-BQP ngày 08/01/2016 của Bộ Quốc phòng và theo Chỉ thị, Mệnh lệnh của Quân khu, Bộ CHQS tỉnh. Thông qua huấn luyện, trình độ chỉ huy, hiệp đồng của cán bộ, chiến sỹ dân quân tự vệ được nâng lên rõ rệt. Lực lượng dân quân tự vệ phối hợp tốt với các lực lượng khác trong giữ gìn ANCT, TTATXH, bảo vệ và phòng, chống, cháy rừng theo Nghị định số 133/2015/NĐ-CP ngày 28/12/2015 của Chính phủ. Quản lý vũ khí trang bị, công cụ hỗ trợ theo Thông tư số 65/TT-BQP ngày 16/5/2016 của Bộ Quốc phòng.

Về an ninh, trật tự xã hội: Trong những năm qua, tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội của 11/11 xã luôn được giữ vững, ổn định: không hình thành tổ chức chính trị đối lập, không có tổ chức, cá nhân hoạt động chống phá Đảng, chính quyền, phá hoại kinh tế, truyền đạo trái phép, không có khiếu kiện đông người vượt cấp phức tạp, không có tụ điểm phức tạp về trật tự xã hội hoạt động có tổ chức; hiện có 70 mô hình tự quản về an ninh trật tự triển khai rộng khắp trên địa bàn các xã của huyện; có 91 thôn, các trường học của 11 xã đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh trật tự theo quy định tại Thông tư 23/2012/TT-BCA ngày 27/4/2012 của Bộ Công an. Đến cuối năm 2019, lực lượng công an

xã trên địa bàn huyện có 41 đồng chí (trong đó: 11 đồng chí Trưởng Công an xã, 15 đồng chí Phó trưởng Công an xã và 15 công an viên); trong đó: 29 đồng chí đã học nghiệp vụ Trung cấp Công an; lực lượng Công an xã cơ bản đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ bảo vệ an ninh trật tự tại cơ sở.

Đánh giá: Đến nay, 11/11 xã (đạt 100%) trên địa bàn huyện đạt chuẩn tiêu chí số 19 - Quốc phòng và An ninh.

3.4. Kết quả thẩm tra các tiêu chí huyện nông thôn mới (theo Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ).

3.4.1. Tiêu chí số 1: Quy hoạch

a) Yêu cầu: Có quy hoạch xây dựng trên địa bàn huyện được phê duyệt.

b) Kết quả thẩm tra:

Đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Tuy Phước đến năm 2035 và tầm nhìn đến năm 2050 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1478/QĐ-UBND ngày 21/4/2020; Ban hành kèm theo quyết định là quy định quản lý quy hoạch để làm cơ sở tổ chức thực hiện theo quy hoạch được duyệt. Việc lập đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện được thực hiện tuân thủ theo Luật Xây dựng năm 2014, Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018, Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng, Thông tư 35/2016/TT-BNNPTNT ngày 26/12/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT và các quy định có liên quan.

Sau khi được UBND tỉnh phê duyệt xong đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện, UBND Tuy Phước đã tổ chức công bố công khai quy hoạch theo đúng thời gian quy định của Luật Xây dựng năm 2014 và Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018.

c) Đánh giá: Đạt

3.4.2. Tiêu chí số 2: Giao thông

a) Yêu cầu:

- Đường bộ:

+ Có 100% km đường huyện do huyện quản lý đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm và kết nối tới trung tâm hành chính các xã trên địa bàn; tỷ lệ mặt đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông xi măng hóa đạt 100%.

+ Cấp kỹ thuật đường huyện đạt tiêu chuẩn theo TCVN 4054:2005; cấp đường huyện phù hợp với quy hoạch được duyệt.

+ Hệ thống cầu, cống trên các tuyến đường huyện được xây dựng kiên cố, phù hợp với cấp đường quy hoạch.

+ Có 100% km đường huyện do huyện quản lý được bảo trì hàng năm.

- Đường thủy: Đường thủy nội địa do địa phương quản lý được lắp đặt hệ thống báo hiệu đảm bảo an toàn, thuận tiện cho các phương tiện lưu thông. Các bến thủy nội địa phục vụ vận chuyển hành khách, hàng hoá phải đảm bảo các điều kiện về an toàn và được cấp phép hoạt động.

- Vận tải: Bến xe khách tại trung tâm huyện (nếu có theo quy hoạch) tối thiểu đạt loại IV theo Thông tư 73/2015/TT-BGTVT ngày 11/11/2015 của Bộ Giao thông vận tải về ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bến xe khách sửa đổi lần 1 năm 2015; bố trí điểm dừng, điểm đỗ tại trung tâm các xã dọc theo quốc lộ, đường tỉnh, đường huyện có tuyến vận tải khách công cộng theo quy hoạch đáp ứng nhu cầu phục vụ hành khách, vận chuyển hàng hóa, đảm bảo an toàn giao thông.

b) Kết quả thẩm tra:

- Đối với hệ thống đường huyện trên địa bàn huyện Tuy Phước, chỉ có 01 tuyến đường huyện ĐH.42, với chiều dài 11,93 Km đã đạt các kết quả sau:

+ 100% Km đường huyện do huyện quản lý đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm và kết nối tới trung tâm hành chính các xã trên địa bàn; tỷ lệ mặt đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông xi măng hóa đạt 100% và 100% Km đường huyện do huyện quản lý được bảo trì hàng năm.

+ Cấp kỹ thuật của tuyến đường huyện ĐH.42 đạt tiêu chuẩn đường cấp V (đồng bằng) theo TCVN 4054:2005 và phù hợp với quy hoạch được duyệt.

+ Hệ thống cầu, cống trên tuyến đường huyện ĐH.42 được xây dựng kiên cố, phù hợp với cấp đường quy hoạch.

- Đường thủy: Trên địa bàn huyện Tuy Phước không có tuyến đường thủy nội địa đã được công bố hoạt động theo quy định.

- Vận tải: Trên địa bàn huyện Tuy Phước không có bến xe khách tại trung tâm huyện đã được công bố hoạt động theo quy định. Bố trí điểm dừng, điểm đỗ tại trung tâm các xã dọc theo quốc lộ, đường tỉnh, đường huyện có tuyến vận tải khách công cộng theo quy hoạch.

c) Đánh giá: Đạt

3.4.3. Tiêu chí số 3: Thủy lợi

a) Yêu cầu: Hệ thống thủy lợi liên xã đồng bộ với hệ thống thủy lợi các xã theo quy hoạch.

b) Kết quả thẩm tra:

- Hệ thống thủy lợi liên xã có chiều dài 136,98 km do Xí nghiệp Thủy lợi 3, Xí nghiệp Thủy lợi 4 đảm nhận tưới, tiêu cho trên 5.619 ha. Hiện nay, trên địa bàn huyện có 04 hồ chứa nước, với diện tích lưu vực 11,52km², dung tích thiết kế 2,52 triệu m³, có 11 đập dâng, 39 trạm bơm đảm bảo tưới, tiêu cho gần 10.000ha đất canh tác lúa, rau màu và đáp ứng nhu cầu dân sinh. Hàng năm, các công trình được đầu tư xây dựng mới theo kế hoạch phê duyệt, đồng thời duy tu sửa chữa các công trình hư hỏng, xuống cấp để công trình đảm bảo an toàn trong quá trình phục vụ tưới, tiêu và phòng chống thiên tai. Những năm qua, không hề xảy ra tình trạng mất mùa do ngập úng, hạn hán gây ra, đáp ứng tốt nhu cầu sản xuất, sinh hoạt, nâng cao đời sống người dân nông thôn.

- Toàn huyện có 496,72 km kênh mương; hệ thống kênh mương thủy lợi do Xí nghiệp Thủy lợi 3 và Xí nghiệp Thủy lợi 4 quản lý tưới, tiêu đã được kiên cố 22,25 km/130,9km đạt 16,2%. Các công trình do địa phương quản lý vận hành, phục vụ tưới cho 1.765ha, hệ thống kênh mương đã được kiên cố

251,4km/365,74 km đạt 68,74%, đảm bảo phục vụ tưới cho diện tích gieo trồng của huyện.

- Có tổ chức quản lý khai thác hệ thống thủy lợi liên xã hoạt động hiệu quả bền vững:

+ Được thành lập theo quy định hiện hành: Xí nghiệp Thủy lợi 3, Xí nghiệp Thủy lợi 4 và các HTX nông nghiệp được thành lập đúng theo quy định.

+ Quản lý khai thác hệ thống theo đúng kế hoạch được duyệt, đảm bảo điều hòa phân phối nước, tiêu nước công bằng, hợp lý: Các công trình thủy lợi do Xí nghiệp Thủy lợi 3, Xí nghiệp Thủy lợi 4 và các HTX nông nghiệp thực hiện quản lý, khai thác, vận hành có hiệu quả, bền vững, phục vụ tốt cho trên 87% diện tích đất sản xuất nông nghiệp và dân sinh. Hàng năm, huyện đầu tư xây dựng kiên cố từ 15 đến 20 km kênh mương các loại đảm bảo phục vụ tưới tiêu ổn định, tránh thất thoát nước; thực hiện tưới, tiêu nước phục vụ sản xuất 7.600ha.

+ Về phương án bảo vệ công trình thủy lợi: Ủy ban nhân dân các xã đã thực hiện đầy đủ những nội dung về đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ. Cụ thể: thành lập và kiện toàn Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn đúng theo quy định tại Điều 22 nghị định số 66/2014/NĐ-CP ngày 04/7/2014 của Chính Phủ; từng năm, các xã đều lập kế hoạch phòng chống thiên tai, quyết định phê duyệt Phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu. Hàng năm, Ủy ban nhân dân huyện đã tiến hành tổ chức tổng kết triển khai công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, trong đó đánh giá cụ thể thực trạng các công trình thủy lợi, các công trình phòng chống thiên tai; đồng thời xây dựng phương án bảo vệ, đảm bảo an toàn cho các công trình theo đúng hướng dẫn của Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh.

c) Đánh giá: Đạt

3.4.4. Tiêu chí số 4: Điện

a) Yêu cầu: Các công trình hệ thống điện trung thế liên xã đầu tư trên địa bàn huyện theo quy hoạch, đảm bảo cấp điện an toàn đạt tiêu chuẩn và đảm bảo nhu cầu sử dụng điện đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của huyện theo hướng dẫn thực hiện của Bộ Công thương

b) Kết quả thẩm tra:

Toàn huyện có 373 trạm biến áp, 100% số hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn. Việc đầu tư cải tạo, nâng cấp, xây mới hệ thống phân phối điện trên địa bàn được quan tâm đầu tư khá đồng bộ, đáp ứng ngày càng tốt nhu cầu sử dụng trong sản xuất kinh doanh và sinh hoạt của nhân dân.

* Hệ thống điện đầu tư liên xã (các công trình điện trung áp, hạ áp và trạm biến áp) hiện có gồm:

- Đường dây trung thế 22 KV trên địa bàn có 216,238 km được lắp đặt đảm bảo các quy định của ngành điện.

- Đường dây hạ thế: trên địa bàn có 546,772 km được lắp đặt đảm bảo các quy định của ngành điện; nhìn chung lưới điện hạ thế và nguồn điện đảm bảo chất lượng, đảm bảo nhu cầu sản xuất và đời sống nhân dân (trong đó: đường

dây 0,4 kV: có 542,98 km, gồm có 542,98 km đường dây cáp vặn xoắn, bọc; đường dây 0,2 kV: có 3,792 km, gồm có 3,792 km đường dây cáp vặn xoắn, bọc).

- Cáp ngầm trung thế: có 0,25 km cáp ngầm trung thế, gồm:

+ Các công trình trong chế độ làm việc bình thường của đường dây đảm bảo an toàn theo quy định; được lắp đặt nổi đất lặp lại cho dây trung tính, nổi đất vỏ thiết bị; có đầy đủ biển báo an toàn.

+ Dây dẫn được lắp đặt trên sứ cách điện có xà đỡ sứ, an toàn về dẫn điện, cách điện và cơ học.

+ Cột điện, kết cấu hỗ trợ chịu lực, móng cột, xà giá đỡ được bảo vệ, chống gỉ, chống xói lở theo quy định.

* Trạm biến áp phân phối: Trạm 22/0,4kV trong huyện có 249 trạm/máy biến áp, tổng dung lượng là 36.030 KVA.

* Đầu tư hệ thống điện phù hợp với quy hoạch:

Hệ thống lưới điện trên toàn huyện đảm bảo phù hợp với quy hoạch, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của cả hệ thống đáp ứng nhu cầu sử dụng điện trong sinh hoạt, sản xuất và kinh doanh của nhân dân và phát triển kinh tế xã hội của huyện.

Với hệ thống nguồn điện phong phú, đảm bảo cấp điện cho các khu công nghiệp, các xí nghiệp hoạt động và đảm bảo cung cấp điện liên tục, đầy đủ cho 13 xã, thị trấn trên địa bàn toàn huyện.

Hiện nay, ngành điện tiếp tục đầu tư nâng cấp, chỉnh trang hệ thống điện đảm bảo cung cấp điện thường xuyên, an toàn, ổn định đáp ứng nhu cầu sản xuất và sinh hoạt trên địa bàn huyện. Thường xuyên kiểm tra, bổ sung, nâng cấp hệ thống trạm biến áp và đường dây, phân đấu hệ thống điện toàn huyện đảm bảo gọn gàng, mỹ quan, an toàn. Xây dựng hoàn thiện hệ thống điện đến các khu chăn nuôi, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp mở mới trên địa bàn.

c) Đánh giá: Đạt

3.4.5. Tiêu chí số 5: Y tế - Văn hóa - Giáo dục

3.4.5.1. Về Y tế

a) Yêu cầu:

- Bệnh viện huyện đạt tiêu chuẩn bệnh viện hạng 3 theo quy định tại Thông tư số 23/2005/TT-BYT ngày 25/8/2005 của Bộ Y tế về hướng dẫn xếp hạng các đơn vị sự nghiệp y tế;

- Trung tâm y tế huyện đạt chuẩn quốc gia khi đảm bảo các yêu cầu về cơ sở vật chất, trang thiết bị và cán bộ theo hướng dẫn thực hiện của Bộ Y tế.

b) Kết quả thẩm tra:

- Bệnh viện huyện đạt tiêu chuẩn bệnh viện hạng 3 theo quy định tại Thông tư số 23/2005/TT-BYT ngày 25/8/2005 của Bộ Y tế về hướng dẫn xếp hạng các đơn vị sự nghiệp y tế:

+ Hệ thống y tế toàn huyện được củng cố và phát triển, tỷ lệ đạt 2,33 bác sỹ/10.000 dân, tỷ lệ giường bệnh đạt 7,2 giường/10.000 dân, tỷ lệ cán bộ y tế đạt 17,75 người/10.000 dân.

+ Bệnh viện huyện là một bộ phận của Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước. Tại Quyết định số 582/QĐ-UBND ngày 11/3/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định về việc công nhận xếp hạng lại cho các đơn vị sự nghiệp y tế công lập thuộc Sở Y tế; Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước được xếp hạng 3 theo tiêu chuẩn xếp hạng bệnh viện quy định tại Thông tư số 23/2005/TT-BYT ngày 25/8/2005 của Bộ Y tế về hướng dẫn xếp hạng các đơn vị sự nghiệp y tế (đạt 57,5 điểm trong khung điểm quy định bệnh viện hạng 3 phải đạt từ 40 đến dưới 70/100 điểm). Năm 2020, Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước tự đánh giá và đề nghị xếp hạng lại với số điểm đạt là 67 điểm, xếp hạng 3.

- Trung tâm y tế huyện đạt chuẩn quốc gia khi đảm bảo các yêu cầu về cơ sở vật chất, trang thiết bị và cán bộ theo hướng dẫn thực hiện của Bộ Y tế:

+ Về cơ sở vật chất: tổng diện tích mặt bằng tại Trung tâm là 18.728 m², diện tích đang sử dụng xây dựng theo tiêu chuẩn nhà cấp 2, 3, 4 gồm 22 dãy nhà với diện tích 8.705 m².

+ Về trang thiết bị: ngoài các trang thiết bị theo quy định của bệnh viện hạng 3, Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước đã được đầu tư nhiều phương tiện kỹ thuật cao phục vụ công tác khám chữa bệnh, bao gồm: 02 hệ thống Xquang kỹ thuật số, 03 máy siêu âm 4D, máy xét nghiệm sinh hóa tự động, máy phân tích huyết học tự động 18 thông số...

+ Về nhân lực: đảm bảo nhân lực theo quy định bệnh viện hạng 3 và chỉ tiêu biên chế được phân bổ. Nguồn nhân lực bác sỹ thuộc Trung tâm Y tế có đủ các chuyên khoa theo quy định. Hiện có 32 bác sỹ, vượt tỷ lệ 0,2 bác sỹ/giường bệnh theo Quyết định số 2992/QĐ-BYT ngày 17/07/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế về phê duyệt Kế hoạch phát triển nhân lực trong hệ thống khám bệnh, chữa bệnh giai đoạn 2015 - 2020 (32 bác sỹ/130 giường bệnh kế hoạch).

+ Cơ cấu tổ chức và chức năng nhiệm vụ của Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước phù hợp với quy định tại Thông tư số 37/2016/TT-BYT ngày 25/10/2016 của Bộ Y tế Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm y tế huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương.

+ Về chất lượng bệnh viện: Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước hàng năm xây dựng và triển khai kế hoạch nâng cao chất lượng bệnh viện theo hướng dẫn của Bộ Y tế, Sở Y tế; điểm chất lượng bệnh viện theo Bộ tiêu chí chất lượng bệnh viện Việt Nam được cải thiện hàng năm (năm 2017 đạt 2,59; năm 2018 đạt 2,88 và xếp thứ hai trong tổng số các bệnh viện tuyến huyện của tỉnh).

+ Về công tác y tế dự phòng: thực hiện Quyết định 2330/QĐ-SYT ngày 23/11/2016 của Giám đốc Sở Y tế Bình Định về việc ban hành “Bảng kiểm tra Y tế dự phòng tuyến huyện 2016 - 2020”, kết quả đánh giá công tác y tế dự phòng của huyện Tuy Phước từ năm 2016 - 2019 đều được xếp loại xuất sắc.

c) Đánh giá: Đạt

3.4.5.2. Về văn hóa

a) Yêu cầu:

Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện đạt chuẩn, có nhiều hoạt động văn hóa - thể thao kết nối với các xã có hiệu quả.

b) Kết quả thẩm tra:

Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện đạt chuẩn theo quy định của Thông tư 01/2010/TT-BVHTTDL ngày 26/02/2010 và Thông tư 11/2010/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, phương tiện, trang thiết bị đảm bảo hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ. Cụ thể như sau:

- Trung tâm Văn hóa huyện: Diện tích đất 5.5595 m², diện tích xây dựng 1.477 m²: trong đó: Diện tích các phòng làm việc 269 m²; các phòng chức năng: Hội trường 950 m², 700 ghế ngồi; Thư viện 128 m²; Phòng truyền thống 130 m². Tổng số: 20 người. Trong đó nhóm lãnh đạo quản lý (04 người: 01 giám đốc kiêm nhiệm và 03 phó giám đốc; nhóm hoạt động nghề nghiệp 12 người; nhóm hỗ trợ phục vụ 04 người. Về vị trí việc làm của Trung tâm VH-TT-TT huyện hiện nay cơ bản đảm bảo theo danh mục vị trí việc làm do UBND tỉnh Bình Định phê duyệt tại Quyết định số 2225/QĐ-UBND ngày 08/6/2020. UBND huyện đã tổ chức thi tuyển viên chức và đã có kết quả, hiện chờ quyết định phân bổ viên chức giao cho đơn vị đảm bảo số lượng tiêu chuẩn về trình độ, năng lực đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm vào đầu năm 2021.

- Nhà tập thể thao đa năng: Diện tích đất 1.232m², diện tích xây dựng 659m²; Thư viện: Đảm bảo mở cửa phục vụ bạn đọc sách báo và truy nhập internet miễn phí các ngày làm việc trong tuần; tổ chức phòng đọc báo Xuân năm 2020; tổ chức 03 đợt giới thiệu sách chuyên đề nhân các ngày lễ kỷ niệm về lịch sử đất nước dân tộc và 01 đợt triển lãm trưng bày sách Hưởng ứng ngày sách Việt Nam lần thứ VI năm 2020, luân chuyển 2.045 lượt sách báo cho 594 lượt bạn đọc; từ năm 2028 thư viện đã cài đặt, sử dụng phần mềm “Quản trị thư viện Openbiblio nâng cao” cho phép cho cán bộ thư viện làm công tác biên mục, bạn đọc tra tìm tài liệu, sách báo được thực hiện trên môi trường mạng.

- Phòng truyền thống thường xuyên mở cửa phục vụ nhân dân và các tổ chức, cá nhân đến liên hệ công tác khi có nhu cầu tham quan, nhưng chủ yếu tập trung mở cửa phục vụ vào một số ngày lễ kỷ niệm lớn của đất nước, hoặc trong dịp tổ chức các sự kiện quan trọng mang ý nghĩa chính trị, lịch sử - văn hóa lớn của huyện.

- Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện đã kết nối hoạt động thường xuyên với 11 Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã và 91/91 Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn trên địa bàn, phục vụ tốt hoạt động văn hóa, thể thao cho nhân dân; đa dạng hóa và đẩy mạnh các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể thao quần chúng; nhiều hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa, sinh hoạt cộng đồng đã được quan tâm thực hiện và từng bước đi vào nền nếp; động viên, khơi dậy trong các tầng lớp nhân dân tinh thần đoàn kết giúp nhau phát triển kinh tế, chung sức xây dựng nông thôn mới. Trong chương trình kế hoạch công tác hàng năm, trung tâm huyện đã có sự kết nối với các nhà văn hóa, khu thể thao các xã, thị trấn trong việc phối hợp tổ chức các hoạt động cụ thể như: Hướng dẫn, kiểm tra công tác tuyên truyền trực quan vào dịp mừng Đảng, mừng Xuân hàng năm, tổ chức tập huấn nghiệp vụ cho Ban chủ nhiệm nhà văn hóa thôn vào năm 2019; hướng dẫn thành lập 03 CLB bài chòi ở cơ sở (Phước Nghĩa, Phước Sơn, Thị trấn Tuy Phước); 01 Câu lạc bộ Ca nhạc Cải lương Hương quê (Phước Thắng);

Phối hợp với Nhà văn hóa xã Phước Sơn biểu diễn đêm văn nghệ cổ động tuyên truyền Đại hội Đảng, Nhà văn hóa xã Phước Hưng tổ chức lễ phát động tháng hành động thực hiện bình đẳng giới, phòng chống bạo lực gia đình năm 2020...; thường xuyên phối hợp tổ chức ngày chạy olympic, và các giải thể thao cấp cơ sở hàng năm.

- Thực hiện Nghị quyết của Huyện ủy, Chương trình phát triển kinh tế xã hội hàng năm của huyện, Trung tâm Văn hóa - Thông tin - Thể thao huyện tham mưu, giúp ủy ban nhân dân huyện tổ chức, thực hiện phát triển sự nghiệp văn hóa - thể thao, tổ chức các hoạt động tuyên truyền, phổ biến chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật nhà nước, thực hiện các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội của địa phương; hướng dẫn về chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác văn hóa, gia đình, thể thao ở cơ sở; tổ chức, cung ứng dịch vụ công, đáp ứng nhu cầu hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, nhu cầu tiếp cận thông tin, nâng cao dân trí, nhu cầu sáng tạo và hưởng thụ văn hóa của nhân dân trên địa bàn huyện. Trung tâm Văn hóa - Thông tin - Thể thao huyện đã tích cực nghiên cứu, sưu tầm, phục dựng, bảo tồn và phát huy các loại hình nghệ thuật truyền thống của huyện, như: bài chòi dân gian, tuồng, Chèo bã trạo, hát bội, võ thuật cổ truyền Bình Định... lễ hội và làng nghề truyền thống của huyện. Thực hiện tốt công tác bảo vệ, trùng tu, tôn tạo, phát huy giá trị di tích trên địa bàn huyện, thu hút được sự quan tâm của các ngành, các cấp, các tầng lớp nhân dân trong việc phát huy các giá trị di tích đối với công tác giáo dục truyền thống; xây dựng các sản phẩm du lịch dựa trên di tích văn hóa lịch sử, các loại hình nghệ thuật đưa vào phục vụ du khách; kết nối, thu hút đông đảo các tầng lớp Nhân dân trong huyện tham gia các lễ hội truyền thống, như: Chợ Gò, đua thuyền, Đô thị Nước mặn, cầu ngư, hội đánh bài chòi cổ dân gian, các trò chơi dân gian...; tập trung xây dựng đội ngũ vận động viên và tham gia thi đấu các giải tỉnh, Quốc gia các môn thành tích cao như bóng đá, bóng chuyền, võ cổ truyền Tuy bị ảnh hưởng đại dịch covid-19, nhưng trong năm 2020 tại Nhà văn hóa huyện cũng đã tổ chức luyện tập và biểu diễn (04 buổi) văn nghệ phục vụ nhân dân nhân các ngày lễ, tết, ngày hội truyền thống của địa phương. Trang trí, khánh tiết phục vụ Đại hội Đảng bộ huyện Tuy Phước lần thứ XXII nhiệm kỳ 2020 - 2025; Tổ chức lớp “Tập huấn hô, hát bài chòi cho gần 40 hội viên của các câu lạc bộ bài chòi ở cơ sở. Ngoài ra còn phối hợp với Phòng Nội vụ huyện tổ chức “Chương trình gặp mặt sinh viên tiêu biểu năm 2020”; phối hợp với Hội LHPNVN huyện tổ chức “Hội thi Nữ cán bộ hội tự tin duyên dáng”; Phối hợp với Phòng LĐTBXH huyện tổ chức “Đêm hội Trung thu” cho các cháu thiếu nhi có hoàn cảnh khó khăn.v.v...

c) Đánh giá: Đạt

3.4.5.3. Về giáo dục:

a) Yêu cầu: Tỷ lệ trường Trung học phổ thông (THPT) đạt chuẩn $\geq 60\%$.

b) Kết quả thẩm tra:

Toàn huyện có 05 trường trung học phổ thông, gồm: trường Trung học phổ thông số 1 Tuy Phước, trường Trung học phổ thông số 2 Tuy Phước, trường

Trung học phổ thông số 3 Tuy Phước, trường Trung học phổ thông Nguyễn Diêu và trường Trung học phổ thông Xuân Diêu.

Nhìn chung khuôn viên các trường được xây dựng riêng biệt, có tường rào, cổng trường, biển tên trường; các khu vực trong nhà trường được bố trí hợp lý, luôn sạch đẹp; đủ diện tích sử dụng để đảm bảo tổ chức các hoạt động quản lý, dạy học và sinh hoạt.

Diện tích phòng học, bàn ghế học sinh, bàn ghế giáo viên đúng quy cách; phòng học thoáng mát, đủ ánh sáng, an toàn; có khu để xe dành riêng cho giáo viên và học sinh; có đủ nước sạch để phục vụ cho các hoạt động dạy và học; có hệ thống thoát nước hợp vệ sinh; có hệ thống công nghệ thông tin kết nối internet đáp ứng nhu cầu quản lý và dạy học; có trang thông tin điện tử hoạt động thường xuyên hỗ trợ có hiệu quả cho công tác dạy-học và quản lý của các nhà trường.

Đến nay, có 4/5 trường trung học phổ thông được công nhận đạt chuẩn Quốc gia, đạt tỷ lệ 80%.

Trường Trung học phổ thông số 1 Tuy Phước: Được công nhận đạt chuẩn quốc gia năm 2015 (theo Quyết định số 230/QĐ-UBND ngày 25/01/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định).

Trường Trung học phổ thông số 2 Tuy Phước: Được công nhận đạt chuẩn quốc gia năm 2017 (theo Quyết định số 4995/QĐ-UBND ngày 19/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định).

Trường Trung học phổ thông số 3 Tuy Phước: Được công nhận đạt chuẩn quốc gia năm 2018 (theo Quyết định số 4453/QĐ-UBND ngày 14/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định).

Trường Trung học phổ thông Nguyễn Diêu: Được công nhận đạt chuẩn quốc gia năm 2016 (theo Quyết định số 5065/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định).

c) Đánh giá: Đạt

3.4.6. Tiêu chí số 6: Sản xuất

a) Yêu cầu: Huyện đạt chuẩn tiêu chí về Sản xuất khi đáp ứng một trong hai yêu cầu:

- Hình thành vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung; hoặc có mô hình sản xuất theo chuỗi giá trị, tổ chức liên kết từ sản xuất đến tiêu thụ các sản phẩm chủ lực của huyện.

- Có mô hình liên kết sản xuất gắn với chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp và thực hiện tiêu thụ ít nhất 10% sản phẩm đối với các sản phẩm nông nghiệp chủ lực của huyện theo quy hoạch.

b) Kết quả thẩm tra:

Thực hiện Đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Tuy Phước đến năm 2025 và định hướng đến năm 2035 được UBND tỉnh Bình Định phê duyệt tại Quyết định số 1478/QĐ-UBND ngày 21/4/2020 và Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp huyện Tuy Phước theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững giai đoạn 2016 - 2020, huyện đã quy hoạch, hình thành các vùng sản xuất

nông nghiệp hàng hóa tập trung trên các loại cây trồng, vật nuôi có lợi thế cạnh tranh. Đồng thời, huyện xác định các sản phẩm chủ lực của huyện để xây dựng các mô hình sản xuất theo chuỗi giá trị, gắn liền kết sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm; duy trì và mở rộng liên kết sản xuất giữa doanh nghiệp và nông dân, tạo sự ổn định đầu ra sản phẩm để nông dân yên tâm sản xuất trên các sản phẩm chủ lực như:

- Cây lúa: Đến năm 2020 diện tích gieo trồng cả năm 15.000 ha tập trung 13 xã, thị trấn. Trong đó, vùng sản xuất lúa giống 1.200 ha tập trung các xã Phước Hưng, Phước Quang, Phước Lộc, Phước Sơn, Phước Thuận, Phước Thắng Phước Hiệp,... Đã hình thành và nhân rộng 65 cánh đồng lớn, cánh đồng mẫu lớn, cánh đồng tiên tiến sản xuất lúa giống, lúa thương phẩm với diện tích 2.700 ha. Thực hiện các mô hình sản xuất theo chuỗi giá trị, tổ chức liên kết từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm hàng năm cung ứng cho các công ty tham gia liên kết từ 5.000 - 6.000 tấn lúa giống, lợi nhuận do chênh lệch giá từ 9 - 10 tỷ đồng.

- Cây ngô, lạc: Quy hoạch đến năm 2020 và triển khai thực hiện quy hoạch với diện tích cây ngô 450 ha tập trung 3 xã. Cây lạc 350 ha tập trung ở những vùng đất cát pha, có điều kiện thâm canh, luân canh, xen canh lạc với một số cây trồng khác; đồng thời chuyển một phần diện tích đất trồng lúa kém hiệu quả có điều kiện phù hợp sang trồng lạc nhằm nâng cao giá trị sản phẩm hàng hóa. Đẩy mạnh sử dụng các giống mới có năng suất chất lượng cao để nâng cao hiệu quả trong sản xuất.

- Rau, màu các loại quy hoạch 700 ha, đã thành lập 10 nhóm nông dân sản xuất rau an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP với quy mô 13,4 ha; liên kết giữa HTXNN Phước Hiệp với nông dân các nhóm trong sản xuất tiêu thụ rau an toàn, sản lượng nhập vào nhà sơ chế hàng năm trên 150 tấn, lợi nhuận đạt từ 50 - 75 triệu đồng/năm. Hướng đến thành lập HTX rau an toàn Phước Hiệp.

- Thủy sản: Có bước phát triển khá, sản lượng nuôi trồng và khai thác thủy sản đến năm 2020 là 6.190 tấn, tăng 0,92% so với năm 2015.

- + Về nuôi trồng thủy sản: Đã tập trung chỉ đạo phát triển nuôi trồng thủy sản theo hướng bền vững, ổn định diện tích nuôi bán thâm canh, đa dạng các phương thức nuôi gắn với bảo vệ môi trường trên diện tích nuôi quảng canh cải tiến, thả giống đúng lịch thời vụ, đúng quy trình phòng chống dịch bệnh thủy sản. Xây dựng và thực hiện thành công 3 mô hình nuôi thủy sản theo hướng an toàn sinh học, đạt hiệu quả kinh tế: Mô hình nuôi tôm sú kết hợp với cá chua quy mô 19,5 ha/15 hộ ở Phước Sơn; nuôi tôm thẻ chân trắng kết hợp cá rô phi quy mô 23,5 ha/40 hộ ở Phước Thắng; nuôi cua xanh thương phẩm quy mô 0,5 ha/01 hộ ở xã Phước Thuận, sản lượng đạt 1.000 kg, lợi nhuận 30 triệu đồng/5 tháng nuôi.

- Về khai thác thủy: Toàn huyện hiện có 503 chiếc tàu có công suất từ 20 đến dưới 45 cv, ngư dân khai thác chủ yếu gần bờ, sản lượng ước đạt 3.900 tấn.

- Chăn nuôi: Về thực hiện đề án “Phát triển chăn nuôi bò thịt chất lượng cao” từ 2016-2019 đã tổ chức phối giống đạt 27.616 con, bê lai ra đời 24.237 con, ước đạt hiệu quả kinh tế trên 149 tỷ đồng. Trong đó, mô hình nuôi bò thịt

chất lượng cao và chăn nuôi vỗ béo bò của hàng ngàn hộ gia đình, với số lượng trên 3.000 con bò (giống Brahman, Red angus, BBB), bình quân tăng trọng 24kg/tháng, lợi nhuận đạt bình quân 8-10 triệu đồng/con/năm. Tái cơ cấu lại ngành chăn nuôi, phát triển chăn nuôi trang trại, gia trại gắn với thực hiện nghiêm ngặt các biện pháp phòng chống dịch bệnh; thông qua chương trình khuyến nông đã chuyển giao các giống mới có năng suất cao, các kỹ thuật mới hướng đến chăn nuôi sạch, giảm ô nhiễm môi trường trong chăn nuôi để đảm bảo an toàn cho vật nuôi, người nuôi và cộng đồng. Đồng thời, tăng tính an toàn của thực phẩm thông qua việc tăng cường công tác quản lý đàn, về thú y, về chăm sóc nuôi dưỡng... hạn chế tối đa các tác nhân sinh học, hóa học và con người ảnh hưởng đến vật nuôi, giảm việc sử dụng các chất có tính gây hại cho người sử dụng do tồn dư trong thịt. Đến nay, đàn bò 16.100 con (KH 16.000), bò lai trên 80% tổng đàn (KH 78%); đàn trâu 1.300 con; đàn lợn 30.000 con (KH 55.000); đàn gia cầm 1,75 triệu con (KH 1,7 triệu con); sản lượng thịt hơi xuất chuồng 9.700 tấn (KH 13.000 tấn).

- Lâm nghiệp: Diện tích đất lâm nghiệp của huyện trên 2.863 ha, tập trung chủ yếu ở các xã: Phước Thành, Phước An,... UBND huyện đã tập trung thực hiện việc giao đất, giao rừng, những bất cập việc quy hoạch 3 loại rừng được điều chỉnh; áp dụng các biện pháp quản lý và bảo vệ rừng bền vững.

c) Đánh giá: Đạt

3.4.7. Tiêu chí số 7: Môi trường

a) Yêu cầu:

- Hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện đạt tiêu chuẩn.
- Cơ sở sản xuất, chế biến, dịch vụ (công nghiệp, làng nghề, chăn nuôi, chế biến lương thực - thực phẩm) thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường.

b) Kết quả thẩm tra:

- Hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện:
+ Về ban hành đề án thu gom, quản lý chất thải rắn: UBND huyện Tuy Phước đã ban hành: Đề án thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại cộng đồng dân cư khu vực nông thôn trên địa bàn huyện Tuy Phước đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020 tại Quyết định số 1093/QĐ-UBND ngày 23/5/2014 và ban hành Chỉ thị số 06/CT-UBND ngày 28/11/2018 về việc tổ chức thực hiện Kế hoạch số 58-KH/HU ngày 24/5/2018 của Ban Thường vụ Huyện ủy Tuy Phước thực hiện Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 07/4/2017 của Tỉnh ủy và Kế hoạch số 35/KH-UBND ngày 11/9/2017 của UBND tỉnh Bình Định về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo vệ môi trường đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030.

+ Về thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt: 100% các xã, thị trấn đều có dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và xử lý đúng theo quy định. Đồng thời, UBND các xã, thị trấn đã ban hành đề án thu gom, xử lý rác thải; ra quyết định thành lập tổ, đội thu gom rác thải; ban hành phương án môi trường sáng, xanh, sạch đẹp; hợp đồng giao khoán về ngày lao động và đã ban hành quy chế hoạt động của tổ thu gom rác thải sinh hoạt. Các xã lắp đặt các

bảng pano "Tổ tự quản về bảo vệ môi trường" trên các tuyến đường do các Hội đoàn thể, khu dân cư quản lý; toàn huyện có tổng số 166 Tổ tự quản các tuyến đường tự quản, đảm bảo xanh, sạch, đẹp.

Tổng lượng rác phát sinh toàn huyện ước tính khoảng 07 tấn/ngày. Đơn vị làm công tác thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện gồm: BQL Nước sạch và Vệ sinh môi trường huyện và công ty TNHH XD&MT Thiên Hương. Hai đơn vị này thu gom và vận chuyển rác thải đến xử lý tại Bãi chôn lấp chất thải rắn Long Mỹ, TP Quy Nhơn đảm bảo quy định. Kinh phí hoạt động từ nguồn vốn ngân sách tỉnh, huyện hỗ trợ và ngân sách đối ứng của xã.

Tổng số hộ dân trên địa bàn huyện là 53.507 hộ, trong đó ký kết hợp đồng thu gom rác thải sinh hoạt là 40.336 hộ đạt 75,38% (trong đó ký hợp đồng trực tiếp với Ban Quản lý nước sạch và vệ sinh môi trường huyện là 16.263 hộ; với Công ty TNHH XD&MT Thiên Hương là 1.156 hộ; còn lại là hợp đồng với UBND các xã, thị trấn).

Tổ chức và hoạt động của các tổ, đội thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt: Tổng số lao động tham gia thu gom vận chuyển, xử lý là 205 người, phân thành 101 tổ, đội do UBND các xã thành lập và quản lý điều hành.

Trang thiết bị phục vụ cho quá trình thu gom, vận chuyển rác thải gồm: 05 xe ép rác chuyên dụng (trong đó: Ban Quản lý NS&VSMT huyện 04 chiếc và Công ty TNHH XD&MT Thiên Hương 1 chiếc); 420 xe đẩy tay; 387 thùng rác nhựa composite. Các trang thiết bị phục vụ cho việc thu gom được các xã quan tâm mua sắm bổ sung thường xuyên hàng năm, đáp ứng được nhu cầu vận chuyển rác thải phát sinh thực tế tại địa phương.

UBND các xã đã ban hành quy chế thu gom rác thải, quy chế bảo vệ môi trường; quyết định thành lập tổ thu gom vận chuyển rác thải. Các thôn, tổ dân phố xây dựng hương ước, quy ước, thành lập các tổ tự quản về bảo vệ môi trường, vệ sinh môi trường.

+ Tình hình thu gom, xử lý chất thải rắn xây dựng trên địa bàn huyện: UBND huyện đã chỉ đạo các cơ quan có liên quan phối hợp với UBND các xã thường xuyên kiểm tra công tác quản lý xây dựng, yêu cầu chủ nguồn thải cam kết xử lý, chôn lấp, tái sử dụng... đổ chất thải xây dựng đúng nơi quy định của địa phương, không làm ảnh hưởng đến mỹ quan, an toàn giao thông trên địa bàn các xã, thị trấn.

+ Tình hình thu gom, xử lý chất thải rắn công nghiệp: Các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, may mặc, cơ khí... trên địa bàn đều ký kết hợp đồng thu gom và xử lý chất thải công nghiệp thông thường với đơn vị có năng lực theo đúng quy định.

+ Tình hình thu gom, xử lý chất thải rắn nông nghiệp trên địa bàn huyện: Chất thải rắn nông nghiệp, phụ phẩm nông nghiệp và các loại chất thải rắn khác phát sinh trong hoạt động trồng trọt, chăn nuôi ... được thu gom tái sử dụng làm phụ phẩm nông nghiệp, làm chất đốt, phân bón, thức ăn gia súc, sản xuất nấm... và không đốt hoặc vứt bừa bãi nơi công cộng, cản trở giao thông. Như

vật chất thải rắn nông nghiệp được tái sử dụng gần như 100%, không phải chôn lấp tập trung hoặc phát sinh vút đốt đồng ruộng, đường giao thông.

Chất thải rắn từ chăn nuôi gia súc: Bao gồm phân gia súc, gia cầm. Chất thải chăn nuôi được các hộ gia đình thu gom và ủ phân để bón ruộng, trồng hoa, cây cảnh. Toàn huyện có 5.154/6.247 hộ chăn nuôi hợp vệ sinh, đạt 82,5%.

+ Tình hình thu gom, xử lý chất thải nguy hại trên địa bàn huyện:

Các cơ sở sản xuất, kinh doanh phát sinh chất thải nguy hại đều tổ chức thu gom, phân loại, lưu giữ và ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý chất thải nguy hại cơ bản đảm bảo quy định hiện hành. Đến nay các xã, thị trấn đã lắp đặt được 1.559 bể chứa chai lọ, bao bì thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng và 11/11 xã đầu tư xây dựng nhà lưu chứa chai lọ thuốc BVTV sau sử dụng đạt chuẩn theo Thông tư số 05/2016/TTLT-BNNPTNT-BTNMT ngày 16/5/2016 và Quyết định số 54/2019/QĐ-UBND ngày 02/12/2019 của UBND tỉnh, đạt 100%. UBND các xã, thị trấn đã ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý bao bì thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng với Công ty TNHH TM&MT Hậu Sanh có địa chỉ tại 19 Bà Huyện Thanh Quan, TP. Quy Nhơn, Bình Định để thu gom, xử lý theo quy định. Đồng thời, ban hành Quy chế thu gom vỏ chai lọ, bao bì thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng đảm bảo theo quy định và phù hợp với thực tế của địa phương.

Chất thải y tế: Trên địa bàn huyện Tuy Phước có 01 Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước (bệnh viện đa khoa), 13 trạm y tế, 01 phòng khám đa khoa khu vực Phước Hòa, 01 phòng khám đa khoa tư nhân. Các trạm y tế, phòng khám đa khoa khu vực Phước Hòa đã thực hiện thu gom, xử lý chất thải y tế nguy hại tại Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước; riêng phòng khám đa khoa tư nhân ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý theo quy định.

- Các cơ sở sản xuất, chế biến, dịch vụ (công nghiệp, làng nghề, chăn nuôi, chế biến lương thực - thực phẩm) thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường:

+ Về cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ: Tổng số cơ sở sản xuất kinh doanh của huyện là 385 cơ sở thuộc đối tượng phải lập thủ tục hành chính về bảo vệ môi trường. Đến nay 100% cơ sở đã có thủ tục môi trường được cấp thẩm quyền phê duyệt; trong đó có 26 cơ sở được phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết; 359 tổ chức, hộ sản xuất, kinh doanh có xác nhận kế hoạch/cam kết bảo vệ môi trường theo quy định. 100% các cơ sở đều có các công trình, biện pháp xử lý chất thải đúng đảm bảo đạt các quy định về bảo vệ môi trường. Không có cơ sở sản xuất kinh doanh bị khiếu kiện kéo dài về môi trường và không có cơ sở sản xuất kinh doanh nằm trong danh sách gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

+ Về cơ sở nuôi trồng thủy sản: Các khu nuôi trồng thủy sản (NTTS) của các xã đều phù hợp với quy hoạch nuôi trồng thủy sản, quy hoạch sử dụng đất. Trên địa bàn huyện có tổng diện tích nuôi trồng thủy sản 971,2 ha, trong đó nuôi theo Dự án: Bảo vệ nguồn lợi ven biển vì sự phát triển bền vững (CRSD) là 233,459 ha; nuôi theo hình thức quảng canh cải tiến nuôi xen, nuôi ghép thân thiện với môi trường 738,641 ha. Hầu hết các hộ nuôi trồng thủy sản đều đạt các

yêu cầu về bảo vệ sinh môi trường, 100% các cơ sở đều có các công trình, biện pháp xử lý chất thải đúng đảm bảo đạt các quy định về bảo vệ môi trường. Không có trường hợp vi phạm về quy hoạch NTTS hoặc xây dựng khu NTTS trên bãi sông, bãi bồi... Các hộ đã có đơn cam kết xử lý các chất thải theo quy định.

+ Đối với các cơ sở chăn nuôi, khu chăn nuôi tập trung: Toàn huyện (11 xã) có 5.040/5.483 hộ chăn nuôi hợp vệ sinh, đảm bảo yêu cầu vệ sinh môi trường, đạt 91,92%; trong đó có 23 cơ sở thuộc đối tượng lập và được cấp có thẩm quyền xác nhận thủ tục hành chính về môi trường, trong đó có 01 đơn vị chăn nuôi tập trung quy mô lớn được UBND tỉnh phê duyệt hồ sơ môi trường theo quy định. Đối với các cơ sở không thuộc đối tượng phải lập thủ tục hành chính về môi trường đã áp dụng các biện pháp xử lý chất thải chăn nuôi bằng công trình biogas, đệm lót sinh học, ao sinh học, không thải chất thải chưa qua xử lý ra môi trường và thực hiện nghiêm túc, chặt chẽ các điều kiện vệ sinh thú y theo quy định.

+ Về bảo vệ môi trường làng nghề: Trên địa bàn huyện có 02 làng nghề: Làng nghề bánh tráng Kim Tây và làng nghề trồng hoa thôn Bình Lâm, xã Phước Hòa; số hộ sản xuất trong làng nghề khoảng: 200 hộ; Các làng nghề nêu trên đều đã lập Phương án bảo vệ môi trường được UBND huyện thẩm định và phê duyệt theo quy định, đồng thời đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt hồ sơ môi trường theo quy định.

+ Về bảo vệ môi trường của các khu, cụm công nghiệp: Trên địa bàn huyện có 01 Cụm CN đã đi vào hoạt động là CCN Phước An với diện tích là 49,5ha và được cấp có thẩm quyền phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường và có hệ thống xử lý nước thải tập trung. Có 22/22 cơ sở sản xuất, kinh doanh hoạt động trong Cụm CN đều đã lập hồ sơ môi trường được cấp có thẩm quyền phê duyệt, xác nhận theo quy định và xây dựng các hệ thống xử lý chất thải, nước thải tập trung theo hồ sơ môi trường được cấp có thẩm quyền phê duyệt; công tác bảo vệ môi trường tại các cụm công nghiệp cơ bản thực hiện theo quy định của pháp luật; việc tiếp nhận đầu tư vào các cụm công nghiệp phù hợp với tính chất ngành nghề.

c) Đánh giá: Đạt

3.4.8. Tiêu chí số 8: An ninh, trật tự xã hội

a) Yêu cầu: Đảm bảo an toàn an ninh, trật tự xã hội.

b) Kết quả thẩm tra:

Hàng năm, trên cơ sở Nghị quyết của Đảng ủy và Chương trình công tác của Công an tỉnh; Nghị quyết của BTV Huyện ủy, Đảng ủy Công an huyện xây dựng nghị quyết, lãnh đạo Công an huyện xây dựng Chương trình công tác tham mưu Chủ tịch UBND huyện - Trưởng BCD phòng, chống tội phạm - TNXH và phong trào TDBVANTQ tổ chức triển khai thực hiện. Trên cơ sở đó, trong từng thời gian, từng thời điểm, tình hình ANTT nổi lên đã xây dựng các kế hoạch, chuyên đề đề ra các biện pháp, giải pháp phù hợp, sát đúng để triển khai tấn công trấn áp các loại tội phạm đảm bảo giữ vững, ổn định tình hình ANCT, bảo đảm TTATXH trên địa bàn, góp phần quan trọng phát triển KT-XH trên địa bàn

huyện. Tổ chức cuộc vận động “Toàn dân tham gia xây dựng địa bàn huyện không có tội phạm ma túy, giảm tội phạm trộm cắp, cướp giật”, chỉ đạo các ngành, các cấp phối hợp đồng bộ cùng lực lượng Công an trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, nhờ đó đã huy động được sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, góp phần giữ vững an ninh, trật tự, phục vụ tích cực phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Trong những năm qua, tình hình ANCT luôn được giữ vững, ổn định, không để xảy ra sự kiện đột xuất, bất ngờ. Trên lĩnh vực TTATXH, đã tập trung triển khai đồng bộ các biện pháp từ phòng ngừa nghiệp vụ, phòng ngừa xã hội đến đấu tranh mạnh mẽ, quyết liệt với các loại tội phạm, từ đó tội phạm, tệ nạn xã hội và vi phạm pháp luật khác hàng năm cơ bản được kiềm chế, năm sau giảm so với năm trước, không xảy ra tội phạm có tổ chức và sử dụng vũ khí nóng gây án; không để hình thành tụ điểm tệ nạn xã hội phức tạp. Điển hình là tình hình phạm pháp hình sự trong năm 2012 giảm 07 vụ so với năm 2011 (154/161); năm 2013 giảm 31 vụ so với năm 2012 (123/154); năm 2014 giảm 32 vụ so với năm 2013 (91/123); năm 2015 tăng 13 vụ so với năm 2014 (104/91); năm 2016 giảm 01 vụ so với năm 2015 (103/104); năm 2017 giảm 23 vụ so với năm 2016 (80/103); năm 2018 giảm 16 vụ so với năm 2017 (64/80); năm 2019 tăng 11 vụ so với năm 2018 (75/64); trong 8 tháng đầu năm 2020 xảy ra 42 vụ.

Hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý Nhà nước về an ninh, trật tự được tăng cường, nhất là trật tự, an toàn giao thông, trật tự công cộng luôn được đảm bảo tốt, tai nạn giao thông được kiềm chế và giảm dần. Điển hình trong năm 2012 tai nạn giao thông so với năm 2011 giảm 27,87% số vụ (44/61); năm 2013 tai nạn giao thông so với năm 2012 giảm 11,36% số vụ (39/44); năm 2014 tai nạn giao thông so với năm 2013 giảm 23,08% số vụ (30/39); năm 2015 tai nạn giao thông so với năm 2014 giảm 3% số vụ (27/30); năm 2016 tai nạn giao thông so với năm 2015 giảm 22,22% số vụ (21/27); năm 2017 tai nạn giao thông so với năm 2016 tăng 23,81% số vụ (26/21); năm 2018 tai nạn giao thông so với năm 2017 giảm 11,54% số vụ (23/26); năm 2019 tai nạn giao thông so với năm 2018 giảm 43,48% số vụ (13/23); trong 8 tháng đầu năm 2020 xảy ra 11 vụ. Công tác quản lý nhân khẩu, hộ khẩu, tạm trú, tạm vắng, ngành nghề kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự và công tác phòng cháy, chữa cháy, quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ luôn được tăng cường, góp phần phục vụ hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm.

Phong trào toàn dân tham gia bảo vệ ANTTQ đã thu được những thành tựu hết sức quan trọng trong công tác phòng, chống tội phạm, giữ vững ANTT, ngày càng xuất hiện nhiều mô hình hay như: Mô hình “Dòng tộc họ không có tội phạm và tệ nạn xã hội”, “Giáo họ không có tội phạm và tệ nạn xã hội”, “Giáo xứ họ không có tội phạm và tệ nạn xã hội”, “Trường học không có tội phạm và tệ nạn xã hội”, “Tự phòng, tự quản về ANTT”, “Camera an ninh”, “Tiếng mõ an ninh”, “Xóm bình yên, gia đình hòa thuận”, “Ánh sáng an ninh”, “Khu dân cư tự quản về ANTT”, “Tổ ANND tự quản”. Hiện nay, đang hoạt động 65 mô hình; nhiều tập thể, cá nhân điển hình tiên tiến trong phòng chống tội phạm, hàng năm có hơn 5 lượt tập thể, 10 lượt cá nhân được các cấp tặng giấy khen. Quần chúng Nhân dân đã tự giác, tích cực tham gia công tác phòng chống tội phạm, hàng

năm đã cung cấp cho lực lượng Công an hàng trăm tin báo tố giác tội phạm, giúp cho lực lượng Công an khám phá nhiều vụ phạm tội, bắt hàng chục đối tượng truy nã, có cả những đối tượng truy nã đặc biệt nguy hiểm. Từ đó tạo nên phong trào có sức lan tỏa mạnh mẽ, lên án gay gắt đối với các loại tội phạm.

Với những thành tích trên, trong những năm qua Công an huyện luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, góp phần đảm bảo an ninh, trật tự trên địa bàn, phục vụ đắc lực phát triển kinh tế - xã hội huyện nhà. Nhiều năm Công an huyện đạt danh hiệu “Đơn vị tiên tiến”, “Đơn vị Quyết thắng”.

Lực lượng vũ trang huyện tăng cường xây dựng chính quy, xây dựng đơn vị vững mạnh toàn diện với nhiều giải pháp thiết thực, hiệu quả. Tổ chức tập huấn, huấn luyện các đối tượng đúng, đủ nội dung, thời gian, thành phần, quân số quy định; các nội dung huấn luyện đạt yêu cầu 100%, có 75% khá, giỏi trở lên, bảo đảm an toàn tuyệt đối về người, vũ khí trang bị.

c) Đánh giá: Đạt

3.4.9. Tiêu chí số 9: Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới

a) Yêu cầu:

- Ban Chỉ đạo Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới cấp huyện được kiện toàn tổ chức và hoạt động đúng quy định.

- Văn phòng Điều phối Chương trình nông thôn mới cấp huyện được tổ chức và hoạt động đúng quy định.

b) Kết quả thẩm tra:

- Ban Chỉ đạo Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới cấp huyện:

Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới huyện giai đoạn 2011-2020 được thành lập theo Quyết định số 2096/QĐ-CTUBND ngày 05/10/2010 của Chủ tịch UBND huyện do đồng chí Chủ tịch UBND huyện làm Trưởng Ban chỉ đạo. Ban Chỉ đạo huyện luôn được kiện toàn trong giai đoạn 2016 - 2020, Ban Chỉ đạo nông thôn mới huyện có 35 thành viên, đồng chí Phó Bí thư Huyện ủy - Chủ tịch UBND huyện làm Trưởng Ban; Ban chỉ đạo huyện hoạt động theo Quy chế làm việc, mỗi thành viên được phân công địa bàn phụ trách và nhiệm vụ cụ thể.

Trên cơ sở được phân công phụ trách tiêu chí các thành viên Ban Chỉ đạo huyện chủ động xây dựng kế hoạch và tập trung hướng dẫn UBND các xã tổ chức triển khai thực hiện một cách hiệu quả theo kế hoạch chung của huyện; thường xuyên kiểm tra, rà soát, xác định mức độ hoàn thành các chỉ tiêu, tiêu chí, đánh giá tình hình tại các xã và kịp thời tham mưu Ban Chỉ đạo huyện chỉ đạo các ngành hỗ trợ thực hiện để hoàn thành các tiêu chí nông thôn mới. Trong quá trình thực hiện, Ban chỉ đạo đã tham mưu Huyện ủy, HĐND, UBND huyện ban hành các cơ chế thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương, không để xảy ra tình trạng huy động quá sức dân và nợ đọng trong xây dựng nông thôn mới. Chỉ đạo UBND các xã đạt chuẩn nông thôn mới rà soát, điều chỉnh, bổ sung Đề án và xây dựng kế hoạch giữ vững, nâng cao chất lượng các tiêu chí đạt được theo bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao. Để giúp Ban Chỉ đạo thực hiện tốt nhiệm vụ, UBND huyện đã thành

lập Tổ công tác, Tổ thẩm tra kết quả thực hiện 19 tiêu chí xây dựng nông thôn mới của huyện. Trong những năm qua, Ban chỉ đạo huyện đã làm tốt công tác tham mưu trong chỉ đạo, quản lý, điều hành, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện các nội dung của Chương trình kịp thời, hiệu quả, đảm bảo hoạt động đúng quy định.

- Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới huyện (Văn phòng nông thôn mới huyện):

Văn phòng nông thôn mới huyện được thành lập tại Quyết định số 5480/QĐ-UBND ngày 17/11/2015 và được kiện toàn theo Quyết định số 3460/QĐ-UBND ngày 05/6/2020 của Chủ tịch UBND huyện gồm 19 đồng chí (01 đồng chí chuyên trách, 18 đồng chí kiêm nhiệm); đồng chí Phó Chủ tịch UBND huyện làm Chánh Văn phòng và đồng chí Trưởng phòng Nông nghiệp làm Phó Văn phòng thường trực.

Văn phòng nông thôn mới huyện đã thực hiện tốt các nhiệm vụ: Tham mưu xây dựng quy chế làm việc của Ban Chỉ đạo huyện. Xây dựng chương trình, kế hoạch hàng năm về mục tiêu, nhiệm vụ, các giải pháp, nhu cầu kinh phí thực hiện Chương trình, giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn huyện. Chuẩn bị nội dung, chương trình hội nghị, hội thảo và các báo cáo theo yêu cầu của Trưởng Ban Chỉ đạo. Tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện và những kiến nghị, đề xuất, biện pháp giải quyết các vấn đề phát sinh; đồng thời thực hiện tốt các nhiệm vụ khác theo phân công. Hoạt động của Văn phòng nông thôn mới huyện luôn đảm bảo chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định tại Quyết định số 1920/QĐ-TTg ngày 05/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

c) Đánh giá: Đạt

3.5. Tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới đến 30/10/2020:

- Nợ đọng xây dựng cơ bản dự án hoàn thành thủ tục nghiệm thu khối lượng đến hết ngày 31/12/2015: 0 đồng.

- Nợ đọng xây dựng cơ bản dự án hoàn thành thủ tục nghiệm thu khối lượng phát sinh sau 31/12/2015 (tính đến 30/10/2020): 0 đồng.

- Kinh phí chưa thanh toán của các dự án, công trình theo kế hoạch thực hiện của năm 2020 sẽ thanh quyết toán đến ngày 31/12/2020 và năm 2021 là: 334.097 triệu đồng (trong đó: các công trình do UBND huyện làm chủ đầu tư là 96.134 triệu đồng, công trình do cấp xã làm chủ đầu tư: 238.773 triệu đồng). Đây là những công trình, dự án thuộc chương trình MTQG xây dựng NTM mới được khởi công trong năm 2020 và đã được UBND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư, trong đó có bố trí cân đối nguồn lực thực hiện trong 02 năm 2020 - 2021.

II. KẾT LUẬN

1. Về hồ sơ

Hồ sơ đề nghị xét, công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới của huyện Tuy Phước đầy đủ, đạt yêu cầu so với quy định tại Quyết định số 2540/QĐ-TTg ngày 30/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn

nông thôn mới; địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020.

2. Về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới

- Về số xã đạt chuẩn nông thôn mới: có 11/11 xã (đạt 100%) đạt chuẩn nông thôn mới.

- Về thực hiện tiêu chí huyện nông thôn mới: Huyện Tuy Phước đã đạt 9/9 tiêu chí huyện nông thôn mới theo quy định tại Quyết định số 558/QĐ-TTg, ngày 05/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

3. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới đến 30/10/2020: Huyện Tuy Phước không có nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới.

III. CÁC NHIỆM VỤ HUYỆN TUY PHƯỚC CẦN TẬP TRUNG THỰC HIỆN XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TRONG THỜI GIAN TỚI

Với quan điểm xây dựng nông thôn mới là quá trình liên tục, lâu dài có điểm bắt đầu nhưng không có điểm kết thúc nhằm nâng cao chất lượng sống cho người dân. Thời gian tới, huyện Tuy Phước cần tiếp tục xác định xây dựng nông thôn mới là nhiệm vụ chính trị trọng tâm của cả hệ thống chính trị, nhà nước đóng vai trò định hướng, hỗ trợ, người dân là chủ thể; quán triệt đầy đủ, nghiêm túc các quan điểm chỉ đạo của Đảng, nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, nhất là Chương trình nông thôn mới; tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, huy động các nguồn lực để tiếp tục nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới cấp xã, cấp huyện, hướng tới xây dựng xã nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu, gắn với Chương trình “Mỗi xã một sản phẩm”; tập trung các giải pháp phát triển sản xuất, tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân; không ngừng củng cố hệ thống chính trị, giữ gìn an ninh trật tự và xây dựng môi trường cảnh quan sáng - xanh - sạch - đẹp.

1. Nhiệm vụ chung

- Duy trì, giữ vững các tiêu chí nông thôn mới, tập trung thực hiện nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu. Chú trọng các hoạt động an sinh xã hội: y tế, giáo dục, văn hóa; thực hiện tốt phong trào xây dựng huyện sáng, xanh, sạch, đẹp..., đảm bảo Chương trình nông thôn mới trên địa bàn luôn phát triển ổn định và bền vững. Phấn đấu đến năm 2025, có ít nhất 08/11 xã trên địa bàn huyện hoàn thành Bộ tiêu chí nông thôn mới nâng cao của tỉnh.

- Phát triển nông thôn gắn chặt với triển khai thực hiện đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp trên địa bàn. Tập trung xây dựng, hình thành nhiều chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ, đẩy mạnh ứng dụng khoa học kỹ thuật, phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sạch, nhất là đối với các cây trồng, vật nuôi có lợi thế của huyện, góp phần nâng cao thu nhập người dân nông thôn, thực hiện tốt công tác giảm nghèo bền vững. Phấn đấu đến năm 2025, thu nhập bình quân đầu người toàn huyện đạt 60-65 triệu đồng/người/năm.

2. Nhiệm vụ cụ thể:

Căn cứ mục tiêu đề ra, huyện Tuy Phước đề ra một số nội dung, giải pháp xây dựng các tiêu chí nâng cao. Chỉ đạo các xã tổ chức rà soát, đánh giá lại các tiêu chí để luôn phải có giải pháp nâng cao đạt chuẩn các tiêu chí; tập trung phát

triển sản xuất; tập trung xây dựng xã Phước Hưng, Phước Lộc, Phước Sơn hoàn thành xã nông thôn mới nâng cao, trong đó phải có ít nhất 01 xã nông thôn mới kiểu mẫu; các xã còn lại tiếp tục nâng cao đạt chuẩn hoàn thành đạt chuẩn xã nâng cao vào năm 2025.

2.1. Về Quy hoạch

Trên cơ sở quy hoạch chung của huyện và các quy hoạch chi tiết, quy hoạch ngành đã được phê duyệt, tiếp tục rà soát, bổ sung điều chỉnh cho phù hợp với từng xã và trên địa bàn toàn huyện. Công bố, công khai quy hoạch một cách rộng rãi để nhân dân biết và tập trung quản lý, tổ chức thực hiện hiệu quả; thường xuyên kiểm tra và xử lý các vi phạm về quản lý quy hoạch và thực hiện tốt quy chế quản lý quy hoạch đã được phê duyệt.

2.2. Về hạ tầng kinh tế - xã hội

- Giao thông: Tiếp tục đẩy mạnh đầu tư, nâng cấp các tuyến đường giao thông nông thôn, nhất là đường ngõ xóm, đường trục chính nội đồng. Phân đầu đến năm 2025: Đường trục thôn đạt 100% trong đó được nhựa hóa hoặc bê tông; đường ngõ xóm được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đạt 100%; đường trục chính nội đồng có tỷ lệ bê tông hóa đạt trên 70%, phần còn lại cứng hóa đảm bảo xe cơ giới đi lại thuận tiện 100%. Các tuyến đường trục chính trong khu dân cư đảm bảo sáng, xanh, sạch, đẹp.

- Thủy lợi: Xây dựng hệ thống thủy lợi cơ bản đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất và phục vụ dân sinh. Đến năm 2025, phân đầu 90% kênh mương chính nội đồng và mương nhánh được kiên cố hóa. Rà soát chủ động nạo vét kênh mương thủy lợi, tu sửa, nâng cấp các trạm bơm..., đồng thời quan tâm nâng cấp các hồ đập khác nhằm đáp ứng tưới và tiêu chủ động.

- Điện nông thôn: Tiếp tục nâng cấp, chỉnh trang hệ thống điện đảm bảo cung cấp điện thường xuyên, an toàn, ổn định đáp ứng nhu cầu sản xuất và sinh hoạt trên địa bàn huyện. Thường xuyên kiểm tra, bổ sung, nâng cấp hệ thống trạm biến áp và đường dây, phân đầu hệ thống điện toàn huyện đảm bảo gọn gàng, mỹ quan, an toàn. Xây dựng hoàn thiện hệ thống điện đến các khu chăn nuôi, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp mở mới trên địa bàn.

- Trường học: Đầu tư xây dựng, nâng cấp các phòng học, phòng chức năng đảm bảo giữ vững các trường đã đạt chuẩn, đồng thời nâng cao số trường đạt chuẩn trên địa bàn huyện đạt 100%. Nâng cao chất lượng chất lượng dạy học. Quan tâm công tác tạo cảnh quan, vệ sinh môi trường các trường học, giữ vững nề nếp trong giảng dạy và học tập.

2.3. Văn hóa, y tế, giáo dục và môi trường

- Văn hóa: Tiếp tục nâng cao chất lượng cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới - đô thị văn minh”; thường xuyên rà soát, điều chỉnh hương ước, quy ước của các thôn cho phù hợp với yêu cầu phát triển và quản lý xã hội. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về các hoạt động văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa vật thể, phi vật thể. Đưa vào sử dụng, quản lý hiệu quả trung tâm vui chơi giải trí văn hóa - thể thao huyện đem lại các dịch vụ chất lượng cho người dân trên địa bàn.

- Giáo dục - Đào tạo: Triển khai thực hiện quy hoạch phát triển giáo dục

đào tạo và kế hoạch xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia, nâng cao chất lượng giáo dục, chuẩn hoá cơ sở vật chất trường học... góp phần đáp ứng các tiêu chí xây dựng nông thôn mới nâng cao thuộc lĩnh vực giáo dục. Nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, phổ cập giáo dục trung học cơ sở ở 100% số xã, thị trấn. Duy trì tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở vào học lớp 10, trung học phổ thông, bảo đảm tỷ lệ theo quy định của tiêu chí nông thôn mới; nâng cấp cơ sở vật chất trường học đảm bảo tốt yêu cầu dạy và học, tiếp tục chỉnh trang khuôn viên các trường học bằng cách tạo không gian, cảnh quan, môi trường sư phạm xanh - sạch - đẹp - an toàn.

- Y tế: Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát hoạt động của tuyến xã đảm bảo kế hoạch, theo đúng tiến độ, đạt hiệu quả. Duy trì, giữ vững 100% xã đạt Bộ tiêu chí Quốc gia về y tế xã; 100% Trạm Y tế xã, thị trấn có Bác sỹ khám chữa bệnh. Thường xuyên kiểm tra việc thực hiện chuyên môn, nghiệp vụ, kỷ cương, đạo đức công vụ, và cam kết đổi mới tinh thần thái độ phục vụ người bệnh, xây dựng các cơ sở khám, chữa bệnh xanh, sạch, đẹp hướng tới sự hài lòng của người bệnh. Củng cố và hoàn thiện mạng lưới y tế cơ sở từ huyện đến xã, thị trấn. Thực hiện đầy đủ các chức năng về y tế dự phòng, khám chữa bệnh, phục hồi chức năng theo quy định của Bộ Y tế. Tiếp tục đầu tư mở rộng, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công tác khám chữa bệnh tại các cơ sở y tế trên địa bàn huyện; nhằm thực hiện và nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe ban đầu cho Nhân dân.

- Môi trường và an toàn thực phẩm:

+ Tiếp tục chỉ đạo các xã quan tâm công tác vệ sinh môi trường, đảm bảo môi trường nông thôn luôn thoáng, sạch sẽ, nước thải và chất thải luôn được thu gom và xử lý theo quy định. Xây dựng và nhân rộng các mô hình khu dân cư xanh - sạch - đẹp; Tiếp tục thực hiện có hiệu quả việc phân loại rác tại nguồn và xử lý rác thải trên toàn huyện đảm bảo hiệu quả.

+ Tập trung triển khai kế hoạch đầu tư các trạm cấp nước sạch tập trung trên địa bàn huyện đảm bảo đẩy nhanh tiến độ hoàn thành tiến độ để phục vụ cho Nhân dân phấn đấu đến năm 2025 tỷ lệ người dân nông thôn được sử dụng nước sạch tập trung trên 90%.

+ Tăng cường các hoạt động phát triển môi trường xanh, sạch, đẹp, không có các hoạt động suy giảm môi trường.

2.4. Kinh tế và tổ chức sản xuất

Triển khai hiệu quả đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp. Tiếp tục xây dựng các vùng sản xuất tập trung theo hướng thâm canh; khuyến khích, thu hút các doanh nghiệp, tổ chức đầu tư sản xuất lĩnh vực nông nghiệp, phát triển các chuỗi liên kết sản xuất - tiêu thụ nông sản với các mặt hàng chủ lực: Lúa, rau, bò thịt, gà ứng dụng công nghệ cao.

2.5. Hệ thống chính trị, an ninh trật tự

Làm tốt công tác tiếp công dân, xử lý và giải quyết dứt điểm các vụ việc, không để xảy ra tình trạng khiếu nại tố cáo kéo dài, hình thành điểm nóng. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phản bác các luận điệu xuyên tạc của các thế lực

thù địch, đối tượng phản động; chú trọng thực hiện quyền tiếp cận của người dân và đẩy mạnh công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và Nhân dân đề cao cảnh giác, nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm trong công tác bảo đảm an ninh trật tự. Thường xuyên mở và thực hiện hiệu quả các đợt cao điểm tấn công, trấn áp tội phạm, kiềm chế sự gia tăng các loại tội phạm, tai nạn, tệ nạn xã hội. Tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý Nhà nước về an ninh trật tự, đẩy mạnh phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, phục vụ hiệu quả công tác đấu tranh, phòng, chống tội phạm, đảm bảo an ninh trật tự tại cơ sở.

3. Các giải pháp chỉ đạo thực hiện trong thời gian tới

- Tiếp tục quán triệt, tuyên truyền sâu rộng các chủ trương, chính sách về xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh, nhằm tiếp tục nâng cao nhận thức và tạo sự chuyển biến tích cực trong từng hành động của người dân.

- Phát huy vai trò, trách nhiệm của Nhân dân tham gia giám sát quá trình xây dựng nông thôn mới; tham gia bảo quản tốt các công trình, dự án hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn trên địa bàn.

- Ưu tiên triển khai lồng ghép các nguồn vốn từ các chương trình, dự án trên địa bàn với nguồn vốn thuộc Chương trình nông thôn mới để phát huy hiệu quả đầu tư, nhất là thực hiện đầu tư hệ thống nước sạch để cung cấp nước sạch cho người dân sử dụng, đảm bảo đạt trên 80% số hộ trên địa bàn huyện có nước sạch sử dụng.

- Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện đề án cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững. Trong đó, hình thành vùng sản xuất tập trung diện tích lớn để kêu gọi đầu tư từ các doanh nghiệp nông nghiệp trong và ngoài tỉnh để tạo chuỗi liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ theo chuỗi giá trị; trong đó coi doanh nghiệp, hợp tác xã là tác nhân nòng cốt trong việc điều hòa toàn bộ tác nhân trong chuỗi, cụ thể: thực hiện có hiệu quả các chương trình, Đề án của huyện đã ban hành; phát triển các mô hình kinh tế trang trại... đa dạng hóa các sản phẩm chủ lực, khai thác hiệu quả lợi thế của địa phương; lựa chọn và phát triển các sản phẩm đặc trưng của địa phương để phát triển theo mô hình OCOP (chương trình mỗi xã một sản phẩm).

- Tăng cường thu hút đầu tư trên các lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ, du lịch khu vực nông thôn; mở rộng các loại hình dịch vụ, chú trọng dịch vụ phục vụ sản xuất, du lịch và đời sống dân sinh; kết hợp du lịch biên, du lịch trải nghiệm nông thôn mới với tham quan các danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử, văn hóa.

- Tăng cường nguồn lực đầu tư y tế và khuyến khích đẩy mạnh xã hội hóa trong lĩnh vực y tế; đầu tư mở rộng, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các cơ sở y tế và đội ngũ cán bộ cho tuyến y tế cơ sở.

- Tiếp tục xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia. Tranh thủ mọi nguồn lực xã hội, tăng cường xã hội hóa giáo dục để đầu tư cơ sở vật chất cho các nhà trường; tạo điều kiện cho tư nhân mở các trường tư thục trên địa bàn huyện, nhất là địa bàn đô thị.

- Tích cực triển khai lộ trình tiến tới bảo hiểm y tế toàn dân theo quy định. Tăng cường công tác truyền thông, tuyên truyền, phổ biến sâu rộng chính sách pháp luật về bảo hiểm y tế. Thực hiện tốt chính sách bảo hiểm y tế cho các đối tượng chính sách theo quy định; phát triển các đối tượng tham gia bảo hiểm y tế nhất là bảo hiểm y tế hộ gia đình; huy động mọi nguồn lực để hỗ trợ cho người dân tham gia bảo hiểm y tế, nhất là hộ cận nghèo; vận động học sinh, hộ gia đình có mức sống trung bình mua bảo hiểm y tế, góp phần tăng tỷ lệ người tham gia bảo hiểm y tế.

- Thực hiện tốt bảo vệ môi trường, khắc phục và xử lý có hiệu quả các cơ sở gây ô nhiễm môi trường, đặc biệt tại các vùng sản xuất tập trung và các cơ sở sản xuất, kinh doanh. Tăng cường phân loại rác thải tại hộ gia đình để làm môi trường sạch hơn để người dân có đời sống tinh thần thực sự được nâng cao, đảm bảo chất thải rắn trên địa bàn huyện được thu gom xử lý đạt 100%.

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng nội dung, phương thức hoạt động, vận động hội viên, đoàn viên tham gia tích cực xây dựng thành công huyện nông thôn mới, đô thị văn minh. Phát huy tốt vai trò giám sát, phản biện xã hội trong xây dựng nông thôn mới.

V. KIẾN NGHỊ

Căn cứ vào kết quả thực hiện, đối chiếu với quy định tại các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016 về việc ban hành Tiêu chí huyện nông thôn mới và Quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới; số 2540/QĐ-TTg ngày 30/12/2016 về việc ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới; địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020; Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định kính đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức thẩm định và trình Thủ tướng Chính phủ quyết định công nhận huyện Tuy Phước đạt chuẩn nông thôn mới năm 2020./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Văn phòng Điều phối NTM Trung ương;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- UBMT TQVN tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở NN và PTNT;
- Văn phòng Điều phối NTM tỉnh;
- UBND huyện Tuy Phước;
- CVP, PVP NN;
- Lưu: VT, K19.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Tuấn Thanh

BIỂU TỔNG HỢP
KẾT QUẢ THẨM TRA TIÊU CHÍ HUYỆN NÔNG THÔN MỚI
HUYỆN TUY PHƯỚC, TỈNH BÌNH ĐỊNH
(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày /02/2021 của UBND tỉnh)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Kết quả tự đánh giá của huyện	Kết quả thẩm tra của tỉnh
1	Quy hoạch	Có quy hoạch xây dựng trên địa bàn huyện được phê duyệt	Đạt	Đạt	Đạt
2	Giao thông	2.1. Hệ thống giao thông trên địa bàn huyện đảm bảo kết nối tới các xã	Đạt	Đạt	Đạt
		2.2. Tỷ lệ km đường huyện đạt chuẩn theo quy hoạch	100%	100%	Đạt
3	Thủy lợi	Hệ thống thủy lợi liên xã đồng bộ với hệ thống thủy lợi các xã theo quy hoạch	Đạt	Đạt	Đạt
4	Điện	Hệ thống điện liên xã đồng bộ với hệ thống điện các xã theo quy hoạch, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của cả hệ thống	Đạt	Đạt	Đạt
5	Y tế - Văn hóa - Giáo dục	5.1. Bệnh viện huyện đạt tiêu chuẩn bệnh viện hạng 3; Trung tâm y tế huyện đạt chuẩn quốc gia	Đạt	Đạt	Đạt
		5.2. Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện đạt chuẩn, có nhiều hoạt động văn hóa - thể thao kết nối với các xã có hiệu quả	Đạt	Đạt	Đạt
		5.3. Tỷ lệ trường Trung học phổ thông đạt chuẩn	≥ 60%	80%	Đạt
6	Sản xuất	Hình thành vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung; hoặc có mô hình sản xuất theo chuỗi giá trị, tổ chức liên kết từ sản xuất đến tiêu thụ các sản phẩm chủ lực của huyện	Đạt	Đạt	Đạt
7	Môi trường	7.1. Hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện đạt tiêu chuẩn	Đạt	Đạt	Đạt
		7.2. Cơ sở sản xuất, chế biến, dịch vụ (công nghiệp, làng nghề, chăn nuôi, chế biến lương thực - thực phẩm) thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường.	100%	100%	Đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Kết quả tự đánh giá của huyện	Kết quả thẩm tra của tỉnh
8	An ninh, trật tự xã hội	Đảm bảo an toàn an ninh, trật tự xã hội	Đạt	Đạt	Đạt
9	Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới	9.1. Ban Chỉ đạo Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới cấp huyện được kiện toàn tổ chức và hoạt động đúng quy định	Đạt	Đạt	Đạt
		9.2. Văn phòng Điều phối Chương trình nông thôn mới cấp huyện được tổ chức và hoạt động đúng quy định	Đạt	Đạt	Đạt